

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH THU - CHI NGÂN SÁCH
TẠI XÃ TÀ DÌNH, HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG,
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Ngành : KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Mã số : 7620115

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. Nguyễn Thị Phụng

Sinh viên thực hiện:

Tráng A Pó

Lớp:

K61 - KTNN

Khóa học:

2016 - 2020



Hà Nội - 2020

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được đề tài khóa luận tốt nghiệp này, lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn đến thầy cô trường Đại Học Lâm Nghiệp Việt Nam đã tận tình chỉ bảo và truyền đạt kiến thức cho chúng em trong suốt các năm học vừa qua. Dưới sự chỉ bảo của quý thầy cô đã giúp chúng em có được một nền tảng kiến thức và có được hành trang để vững bước trên con đường tương lai.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn đến Th.S. Nguyễn Thị Phượng đã hết lòng hướng dẫn, chỉ bảo, truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm cho em trong suốt quá trình thực hiện để em có thể hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn tập thể lãnh đạo, cán bộ kế toán xã Tà Đình đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ em về mọi mặt, động viên khuyến khích em hoàn thành khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hà Nội, Ngày 15 tháng 05 năm 2020

Sinh viên thực hiện

Tráng A Pó



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BIỂU	vi
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ	vii
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do nghiên cứu.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
4. Nội dung nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu	3
6. Kết cấu chuyên đề	3
CHƯƠNG 1	4
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN SÁCH XÃ.....	4
1.1. Cơ sở lý luận về ngân sách Nhà nước	4
1.1.1. Khái niệm và bản chất của NSNN	4
1.1.2. Chức năng và vai trò của NSNN.....	5
1.1.3. Tổ chức hệ thống NSNN Việt Nam	7
1.1.4. Hệ thống NSNN hiện hành của Việt Nam.....	9
1.1.5. Nhiệm vụ của NSNN trong giai đoạn hiện nay ở nước ta	10
1.2. Một số lý luận cơ bản về ngân sách xã.....	11
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách xã	11
1.2.2. Vai trò của ngân sách xã	12
1.2.3. Quy trình quản lý ngân sách xã.....	12
1.2.4. Yêu cầu quản lý của NSNN cấp xã	17
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý NSNN	18
1.3.1. Nhân tố khách quan	18

1.3.2. Nhân tố chủ quan.....	21
CHƯƠNG 2	23
NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ TÌA DÌNH	23
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG – TỈNH ĐIỆN BIÊN	23
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Tìà Đình.....	23
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên	23
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội của xã Tìà Đình.....	24
2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của UBND Xã Tìà Đình.....	34
2.3. Những thuận lợi, khó khăn và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của xã Tìà Đình.....	36
2.3.1. Những thuận lợi.....	36
2.3.2. Những khó khăn	36
2.3.3. Hạn chế còn tồn tại – nguyên nhân	36
2.4. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của xã Tìà Đình	38
CHƯƠNG 3	40
THỰC TRẠNG THU - CHI NGÂN SÁCH	40
TẠI XÃ TÌA DÌNH – HUYỆN ĐIỆN ĐÔNG – TỈNH ĐIỆN BIÊN	40
3.1. Tình hình thu chi Ngân sách của xã Tìà Đình	40
3.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý tài chính Ngân sách xã	40
3.1.2. Công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán Ngân sách.....	41
3.1.3. Công tác kiểm tra chấp hành các chế độ quản lý tài chính ngân sách xã.....	43
3.1.4. Việc thực hiện dân chủ, công khai tài chính Ngân sách xã.....	43
3.2. Thực trạng công tác quản lý thu ngân sách của Xã Tìà Đình	43
3.3. Thực trạng công tác quản lý chi ngân sách của xã Tìà Đình	47
3.4. Cân đối thu - chi ngân sách của Xã Tìà Đình.....	52
3.5. Đánh giá chung về công tác quản lý thu - chi ngân sách xã Tìà Đình	53
3.6. Một số giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu - chi ngân sách của Xã Tìà Đình.....	55
3.6.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách	55

3.6.2. Tăng cường quản lý khai thác tốt nguồn thu nhằm tăng thu cho NS góp phần đáp ứng các nhu cầu chi ngày càng tăng của địa phương	55
3.6.3. Tăng cường sự kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng	55
3.6.4. Cần có hệ thống văn bản pháp huy cụ thể để làm cơ sở thực hiện chi ngân sách xã	56
KẾT LUẬN.....	57
TÀI LIỆU THAM KHẢO	



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
BCHQS	Ban chấp hành quân sự
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
HĐND	Hội đồng nhân dân
HS	Học sinh
MN	Mần non
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NĐ	Nghị định
NĐ-CP	Nghị định-Chính phủ
NS	Ngân sách
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách Nhà Nước
NSTƯ	Ngân sách Trung ương
NSX	Ngân sách xã
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PCTT	Phòng chống thiên tai
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
TƯ	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 2.1: Kết quả trồng trọt của xã Tà Dinh năm 2019.....	24
Biểu 2.2. Kết quả chăn nuôi của xã Tà Dinh trong 3 năm từ 2017 – 2019	25
Biểu 2.3. Hiện trạng sử dụng đất ở xã Tà Dinh năm 2019	27
Biểu 3.1. Tình hình thu ngân sách xã Tà Dinh trong 3 năm từ 2017 - 2019	46
Biểu 3.2. Tình hình chi ngân sách Xã Tà Dinh trong 3 năm 2017 - 2019.....	47
Biểu 3.3. Tình hình chi ngân sách về sự nghiệp Xã Tà Dinh trong 3 năm 2017 - 2019	50
Biểu 3.4. Cân đối thu - chi ngân sách Xã Tà Dinh qua 3 năm từ 2017 - 2019..	52



DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống NSNN ở Việt Nam.....	9
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của UBND xã Tà Đĩnh.....	34
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý Ngân sách Xã Tà Đĩnh	40



ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do nghiên cứu

Ngân sách Nhà nước là một phạm trù kinh tế mang tính lịch sử, nó phản ánh những mặt nhất định của các quan hệ kinh tế thuộc lĩnh vực phân phối sản phẩm xã hội trong điều kiện còn tồn tại quan hệ hàng hóa - tiền tệ và được sử dụng như một công cụ thực hiện các chức năng của Nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường, ngân sách Nhà nước là công cụ huy động nguồn tài chính để đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, đồng thời là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý và điều hành vĩ mô nền kinh tế - xã hội.

Ngân sách Nhà nước được tạo lập từ nhiều nguồn khác nhau như: thuế, phí, lệ phí, các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ trong nước, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài.

Ở Việt Nam, kể từ khi nền kinh tế chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đã dần dần làm biến đổi các yếu tố cấu thành của nền kinh tế, có yếu tố cũ mất đi, có yếu tố mới ra đời, có yếu tố vẫn giữ nguyên hình thái cũ nhưng nội dung của nó đã bao hàm nhiều điều mới hoặc chỉ được biểu hiện trong những khoảng không gian và thời gian nhất định. Trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, Ngân sách Nhà nước được xem là một trong những mắt xích quan trọng của tiến trình đổi mới, lĩnh vực ngân sách Nhà nước đã đạt được những thành tựu đáng kể. Cùng với việc mở cửa kinh tế, khai thác quản lý tình hình thu - chi ngân sách là rất quan trọng.

Xã Tàì Dình là một xã gặp nhiều khó khăn về việc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả NSNN. Từ khi có luật ngân sách, Chính phủ ban hành các Nghị định quy định về chi phí quản lý hành chính và chế độ khoán biên chế và đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp, phương thức quản lý thu - chi NS của xã Tàì Dình đã đạt được những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, những hạn chế trong khâu lập, phân bổ dự toán, chấp hành và quyết toán NS vẫn còn xảy ra tình

trạng lãng phí, nhất là trong chi công tác phí, chi hội nghị, chi tiếp khách, trong mua sắm và sử dụng tài sản công.

Để tìm hiểu một cách sâu sắc hơn việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, cách quản lý thu, chi và khai thác hiệu quả các nguồn thu ngân sách Nhà nước tại xã Tà Dình, tôi đã chọn đề tài: "**Nghiên cứu tình hình thu - chi ngân sách tại xã Tà Dình – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên**" làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu tình hình thu - chi ngân sách xã, từ đó đưa ra các biện pháp phát huy các thế mạnh, khắc phục những điểm yếu trong quá trình quản lý thu - chi ngân sách xã.

- Mục tiêu cụ thể: Nghiên cứu, đánh giá, phân tích được các nguồn hình thành ngân sách xã (nguồn thu) và các khoản chi từ ngân sách của xã Tà Dình, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu - chi ngân sách cho xã Tà Dình.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Tình hình thu - chi ngân sách xã Tà Dình – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động thu - chi ngân sách xã Tà Dình từ năm 2017 đến năm 2019.

- Địa điểm nghiên cứu: Xã Tà Dình – Huyện Điện Biên Đông – Tỉnh Điện Biên.

4. Nội dung nghiên cứu

- Những cơ sở lý luận về ngân sách Nhà nước và ngân sách xã.
- Những đặc điểm cơ bản của xã Tà Dình – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên.
- Thực trạng và tình hình thu - chi ngân sách xã Tà Dình – huyện Điện Biên Đông – tỉnh Điện Biên.

- Một số giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu - chi ngân sách xã Tà Đình.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng cách sử dụng các tài liệu, báo cáo của xã Tà Đình cũng như từ các nguồn dữ liệu của các đơn vị có liên quan. Ngoài ra, số liệu còn được thu thập bằng cách phỏng vấn nhanh các cán bộ có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel và được phân tích dựa vào phương pháp thống kê kinh tế: thống kê mô tả, thống kê so sánh, phân tổ thống kê.

6. Kết cấu chuyên đề

Ngoài phần Đặt vấn đề và Kết luận, khóa luận tốt nghiệp được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về ngân sách Nhà nước và ngân sách xã

Chương 2: Đặc điểm cơ bản của Xã Tà Đình – Huyện Điện Biên Đông – Tỉnh Điện Biên.

Chương 3: Thực trạng thu - chi ngân sách xã trên địa bàn Xã Tà Đình – Huyện Điện Biên Đông – Tỉnh Điện Biên.



CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN SÁCH XÃ

1.1. Cơ sở lý luận về ngân sách Nhà nước

1.1.1. Khái niệm và bản chất của NSNN

1.1.1.1. Khái niệm NSNN

Nhà nước với tư cách là cơ quan quyền lực thực hiện chức năng duy trì và phát triển xã hội, thường quy định các khoản thu mang tính chất bắt buộc các đối tượng trong xã hội phải đóng góp nhằm đảm bảo chỉ tiêu của bộ máy Nhà nước, quân đội, cảnh sát, giáo dục. NSNN là một phạm trù kinh tế, lịch sử, trải qua nhiều giai đoạn phát triển của xã hội, khái niệm về NSNN được đề cập trên nhiều góc độ khác nhau.

Về hình thức, các khái niệm này có sự khác nhau nhất định, tuy nhiên chúng đều phản ánh về các kế hoạch, dự toán thu, chi của Nhà nước trong một thời gian nhất định với hình thái biểu hiện là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước và Nhà nước sử dụng quỹ tiền tệ tập trung đó để trang trải cho chỉ tiêu gồm: Chi cho hoạt động của bộ máy Nhà nước, chi cho an ninh - quốc phòng, chi cho an sinh xã hội.

Luật NSNN số 01/2002/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 16/12/2002 quy định: “Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”.

1.1.1.2. Bản chất của Ngân sách Nhà nước

Bản chất của NSNN là quan hệ phân phối sản phẩm xã hội và thu nhập quốc gia. Nhà nước tham gia phân phối sản phẩm xã hội (*chủ thể*), các tổ chức cá nhân bị phân phối (*khách thể*). Mục đích là thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước như quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, y tế, giáo dục, đầu tư xây dựng... Nguồn thu cơ bản mang tính chất bắt buộc của NSNN là thu nhập

quốc dân, được tạo ra trong khu vực sản xuất kinh doanh. Các khoản chi chủ yếu của NSNN mang tính chất không hoàn lại được hướng vào đầu tư phát triển kinh tế và tiêu dùng xã hội. Nhà nước bằng quyền lực chính trị của mình và xuất phát từ nhu cầu về tài chính để đảm bảo thực hiện các chức năng của Nhà nước đã xác định các khoản thu, chi của NSNN. Điều này cho thấy sự tồn tại của Nhà nước, vai trò của Nhà nước đối với đời sống kinh tế - xã hội là những yếu tố cơ bản quyết định sự tồn tại của Nhà nước và tính chất hoạt động của nó.

Xét trên góc độ quản lý vốn: Ngân sách Nhà nước là một bảng cân đối thu - chi chủ yếu của nền kinh tế.

Xét về mặt pháp lý: Ngân sách nhà nước là một kế hoạch tài chính cơ bản.

Xét về nội dung vật chất: Ngân sách nhà nước là một Quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của Nhà nước.

1.1.2. Chức năng và vai trò của NSNN

1.1.2.1. Chức năng của NSNN

NSNN có những chức năng cơ bản sau:

Thứ nhất: Phân phối giữa các cấp ngân sách, thực hiện phân chia theo tỷ lệ (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và bổ sung cân đối ngân sách cho cấp dưới để đảm bảo công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, miền.

Thứ hai: Đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sử dụng các nghiệp vụ công tác như kiểm tra việc chấp hành NSNN, kế toán, kiểm toán, quyết toán NSNN một cách thường xuyên liên tục. Qua đó nắm bắt những thông tin trung thực cho việc quản lý các hoạt động của NSNN, giúp Nhà nước phát huy những kết quả đáng đạt được góp phần thúc đẩy hoàn thiện luật NSNN, tiến tới các mục tiêu chiến lược quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đã xác định, đồng thời phát hiện những thiếu sót, kịp thời chỉnh sửa.

1.1.2.2. Vai trò của NSNN

Tài chính Nhà nước bao gồm NSNN, dự trữ Nhà nước, tài chính các cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, tài chính doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ Nhà nước. Trong đó NSNN là hạt nhân, là thành phần chủ yếu. NSNN đóng vai trò chủ đạo và tổ chức hoạt động của hệ thống tài chính, có tác động chi phối điều hòa và phối hợp với tất cả các khâu trong hệ thống tài chính.

Trong nền kinh tế thị trường, NSNN không chỉ đóng vai trò huy động nguồn tài chính để đảm bảo các nhu cầu cho chi tiêu bộ máy Nhà nước, cho an ninh, quốc phòng và các mục đích khác nhằm củng cố quyền lực nhà nước, mà còn có vai trò to lớn trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế xã hội. Đó là vai trò định hướng phát triển xã hội, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, điều chỉnh đời sống xã hội...

NSNN có một vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường.

Thứ nhất: Ngân sách Nhà nước là công cụ huy động nguồn tài chính để bảo đảm các nhu cầu chi tiết của Nhà nước.

Thứ hai: NSNN là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Thể hiện qua các nội dung cơ bản sau:

* Trên góc độ tài chính: NSNN được sử dụng như một công cụ nhằm phân phối sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân từ đó hình thành nguồn tài chính để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Thông qua NSNN có thể đảm bảo cho các lĩnh vực quản lý hành chính, an ninh quốc phòng, văn hóa xã hội, đầu tư phát triển...

* Trên góc độ kinh tế: NSNN được sử dụng như một công cụ góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế thể hiện trên nhiều lĩnh vực:

- NSNN định hướng tạo ra môi trường cho đầu tư.
- + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội.

+ NSNN định hướng đầu tư thông qua công cụ thuế (ưu đãi về thuế) để hướng dẫn đầu tư vào các ngành, các vùng lãnh thổ mà Nhà nước khuyến khích đầu tư.

- NSNN thông qua công cụ thuế khuyến khích hoặc hạn chế hoạt động kinh doanh. Nếu chính sách thuế phù hợp sẽ khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, ngược lại chính sách thuế không phù hợp sẽ hạn chế hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

- NSNN góp phần bình ổn giá cả thị trường thông qua các giải pháp:

+ Chính sách trợ giá.

+ Chính sách bù lãi suất

+ Quỹ dự trữ quốc gia.

* Trên góc độ xã hội: NSNN là công cụ góp phần điều tiết công bằng thu nhập giữa các tầng lớp dân cư bằng các công cụ như:

- Công cụ thuế: Thu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt...

- Chi tiêu về phúc lợi xã hội.

Với vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia như vậy NSNN phải được tổ chức, xây dựng và quản lý khoa học trên cơ sở phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi nước.

1.1.3. Tổ chức hệ thống NSNN Việt Nam

1.1.3.1. Khái niệm hệ thống NSNN

Hệ thống NSNN là tổng thể các cấp ngân sách có mối quan hệ với nhau trong việc tập trung và phân phối, sử dụng nguồn thu để thực hiện các nhiệm vụ chi. Cấp ngân sách được hiểu là một bộ phận của hệ thống, có quyền chủ động khai thác các khoản thu, sử dụng các khoản thu đáp ứng nhu cầu chi và đảm bảo cân đối được ngân sách. Hệ thống ngân sách và cơ cấu của hệ thống ngân sách chịu tác động bởi nhiều yếu tố mà trước hết đó là chế độ xã hội của một Nhà nước của một Nhà nước và việc phân chia lãnh thổ hành chính.

1.1.3.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống NSNN

* Nguyên tắc thống nhất

Nguyên tắc thống nhất xuất phát từ thể chế chính trị của nước ta: thống nhất về lãnh thổ, về tổ chức hệ thống hành chính và thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ giữa các cấp chính quyền.

* Nguyên tắc tập trung - dân chủ:

Hệ thống chế độ thu - chi ngân sách áp dụng thống nhất, do đó việc ban hành các chế độ thu, chi được tập trung vào cơ quan quyền lực cao nhất: Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương. Tuy nhiên do các địa phương cũng có các đặc thù riêng về kinh tế xã hội, cho nên chính quyền địa phương cũng có thẩm quyền quy định các khoản thu chi, áp dụng trong phạm vi địa phương phù hợp với phân cấp quản lý hiện hành.

Việc phê chuẩn dự toán, quyết toán thu chi ngân sách được tập trung vào cơ quan quyền lực Nhà nước, Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp.

Đại bộ phận nguồn thu và nhiệm vụ chi cũng tập trung vào NSTU. Trong phạm vi địa phương, nguồn thu, nhiệm vụ chi cũng tập trung vào ngân sách cấp trên. Khía cạnh tập trung đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ nền kinh tế, có tác dụng hay ảnh hưởng đến nhiều địa phương.

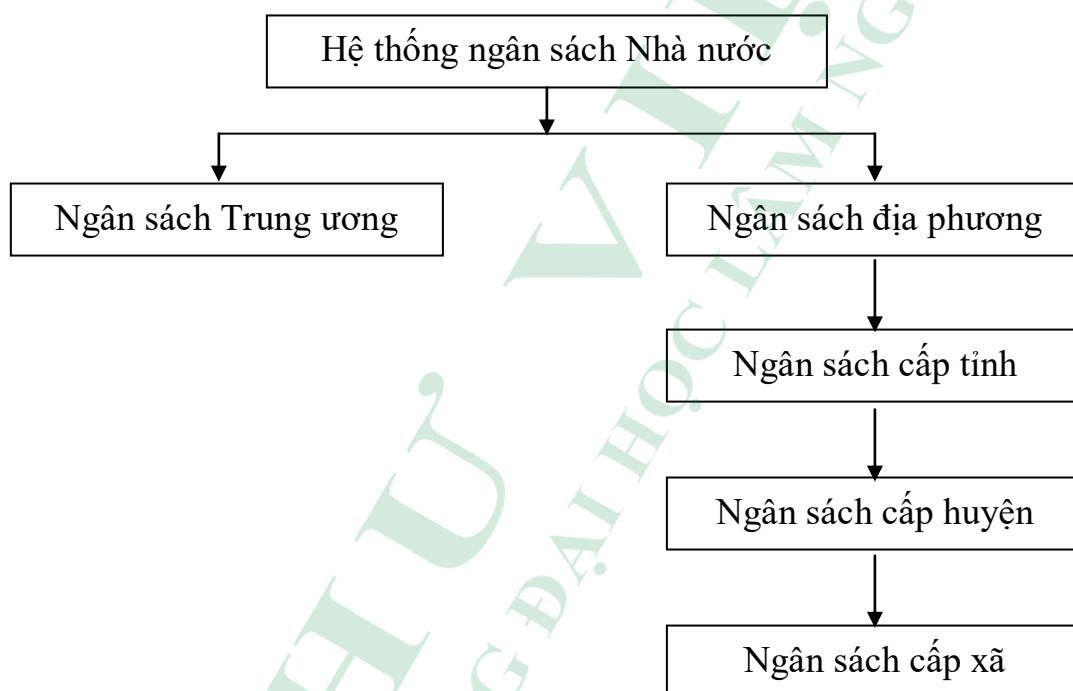
Tuy nhiên mỗi cấp ngân sách có nhiệm vụ riêng, do đó cần có sự chủ động trong hai thác một số khoản thu, chủ động sử dụng nguồn thu cho ngân sách cấp mình quản lý để chủ động trong việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chi đề ra.

Xét vai trò của các cấp ngân sách, ngân sách cấp trên giữ vai trò chỉ đạo đối với cấp dưới trong việc điều hành hoạt động của hệ thống, đặc biệt đối với NSTU. Mặt khác ngân sách cấp trên còn giữ vai trò điều hòa và bổ sung nguồn thu cho cấp dưới.

NSDP tham gia vào việc khai thác nguồn thu của NSTU, thực hiện giám sát việc thực hiện các khoản chi của NSTU phát sinh trên địa bàn, thực hiện thanh toán các khoản chi theo ủy quyền của NSTU.

1.1.4. Hệ thống NSNN hiện hành của Việt Nam

Luật NSNN được Quốc hội thông qua ngày 20/03/1996 sau đó được thay thế bằng Luật NSNN được Quốc hội thông qua ngày 16/12/2002 đã xác định NSNN Việt Nam gồm NSTU và NSDP.



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hệ thống NSNN ở Việt Nam

1.1.4.1. Ngân sách Trung ương

NSTU hình thành từ kế hoạch tài chính của các kinh tế thuộc TU, từ dự toán kinh phí của các cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan khác nhận kinh phí từ ngân sách thuộc TU (các bộ, cơ quan ngang bộ).

1.1.4.2. Ngân sách địa phương

NSDP gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương (các cấp hành chính có hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân). Như vậy hiến pháp là cơ sở chủ yếu cho việc xác nhận kinh phí từ ngân sách thuộc các cấp chính quyền ĐP, NSDP gồm gồm:

- Ngân sách tỉnh, thành phố thuộc TU (gọi tắt là ngân sách tỉnh).

- Ngân sách quận, huyện thuộc thành phố; ngân sách thị xã, thành phố, huyện thuộc tỉnh (gọi tắt là ngân sách huyện).

- Ngân sách phường, xã, thị trấn thuộc quận huyện (gọi tắt là ngân sách xã).

1.1.5. Nhiệm vụ của NSNN trong giai đoạn hiện nay ở nước ta

Nhiệm vụ chủ yếu của NSNN trong giai đoạn hiện nay là tích lũy vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội.

Nhiệm vụ của NSNN là xây dựng một ngân sách cân đối, tích cực đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

❖ *NSNN cân đối đòi hỏi phải:*

* Đáp ứng dự toán ngân sách Nhà nước.

* Có tổng thu bằng tổng chi.

* Yêu cầu về cân đối ngân sách ở Việt Nam hiện nay là: Thu thường xuyên phải lớn hơn chi thường xuyên để đáp ứng được nhu cầu chi đầu tư phát triển từ thặng dư thu thường xuyên và các hoàn vay, viện trợ hoàn lại.

* Trong quá trình chấp hành ngân sách, nếu tổng thu lớn hơn tổng chi thì kết dư ngân sách.

❖ *Ngân sách tích cực đòi hỏi phải:*

* Có tác động kích thích kinh tế phát triển, có cơ sở vật chất là nền kinh tế trong nước.

* Có khả năng thích ứng với những biến động của nền kinh tế thị trường. Chi tiêu ngân sách phải bảo đảm yêu cầu tiết kiệm, đạt được hiệu quả về kinh tế - xã hội. Chính vì thế phải xây dựng một NSNN tích cực bao gồm những nội dung:

Một là: Xây dựng cơ chế quản lý ngân sách thích hợp.

Hai là: Xây dựng một chính sách động viên hợp lý.

Ba là: Phân phối và sử dụng nguồn vốn tiết kiệm và có hiệu quả.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên đòi hỏi phải xây dựng được một chính sách tài chính phù hợp, đó là cách giải quyết thỏa đáng hai mặt:

- * Phân đầu giảm bội chi NSNN.

- * Đảm bảo mở rộng quyền tự chủ tài chính cho các cơ sở kinh tế.

1.2. Một số lý luận cơ bản về ngân sách xã

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách xã

1.2.1.1. Khái niệm ngân sách xã

Xét về hình thức: Ngân sách xã là toàn bộ các khoản thu, chi trong sự toán đã được hội đồng nhân dân xã quyết định và thực hiện trong một năm, nhằm đảm bảo nguồn tài chính cho chính quyền Nhà nước cấp xã trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Xét về bản chất: Ngân sách xã là hệ thống các quan hệ kinh tế giữa chính quyền Nhà nước cấp xã với các chủ thể khác phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính, nhằm tạo lập quỹ ngân sách xã trên cơ sở đáp ứng cho các nhu cầu chi gắn với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền nhà nước cấp xã.

1.2.1.2. Đặc điểm của ngân sách xã

NSX là một cấp trong hệ thống NSNN nên cũng mang đầy đủ những đặc điểm chung của NSNN. Ngoài ra NSX còn đặc điểm riêng tạo nên sự khác biệt căn bản với các cấp ngân sách khác.

- * Đặc điểm chung: Hoạt động của ngân sách cấp xã luôn gắn chặt với hoạt động của chính quyền Nhà nước cấp xã.

- Quản lý NSX phải tuân theo một chu trình chặt chẽ và khoa học.
- Phần lớn các khoản thu chi NSX đều được thực hiện theo phương thức phân phối lại và không hoàn trả trực tiếp.

- * Đặc điểm riêng: Ngân sách cấp xã vừa là một cấp ngân sách cơ sở trong hệ thống NSNN, vừa là một đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí. Đặc điểm này có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thiết lập chính sách trong quản lý ngân sách xã.

1.2.2. Vai trò của ngân sách xã

NSX là nguồn tài chính chủ yếu để đảm bảo cho chính quyền Nhà nước cấp xã thực thi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý kinh tế trên địa bàn theo sự phân cấp trong hệ thống chính quyền Nhà nước, chính quyền cấp xã phải có nguồn tài chính đủ lớn. Trong số các quỹ tiền tệ mà chính quyền xã được quyền quản lý và sử dụng thì NSX được coi là quỹ tiền tệ có quy mô lớn nhất và chỉ được phép sử dụng cho việc thực hiện các nhiệm vụ mà chính quyền xã phải đảm nhận.

NSX là công cụ tài chính quan trọng để giúp chính quyền khai thác thế mạnh về kinh tế - xã hội trên địa bàn. Cùng với quá trình hoàn thành luật NSNN, cơ chế phân cấp về quản lý kinh tế, xã hội cho chính quyền xã ngày càng nhiều hơn. Trong quá trình đó, NSX đóng vai trò không nhỏ thông qua việc tạo lập các nguồn tài chính cần thiết để chính quyền xã khai thác thế mạnh, từng bước thúc đẩy phát triển các mặt về kinh tế, xã hội ổn định và bền vững.

NSX là công cụ tài chính giúp chính quyền Nhà nước cấp trên giám sát hoạt động của chính quyền xã. Với một hệ thống tổ chức Nhà nước thống nhất đồng thời phải có sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn quản lý kinh tế, xã hội cho chính quyền Nhà nước cấp trên đối với cơ quan chính quyền Nhà nước cấp dưới.

1.2.3. Quy trình quản lý ngân sách xã

Căn cứ luật ngân sách hiện hành và Thông tư số 118/2000/TT-BTC ngày 22/12/2000 của Bộ Tài chính quy định về quản lý NSX và các hoạt động tài chính khác ở xã, phường, thị trấn đã quy định cụ thể về quy trình quản lý NSX như sau:

1.2.3.1. Lập dự toán ngân sách xã

Lập dự toán NSX là quá trình đánh giá giữa khả năng và nhu cầu các nguồn tài chính của NSX, từ đó xác lập các chỉ tiêu thu - chi dự kiến có thể đạt được trong kỳ kế hoạch, xác lập các biện pháp chủ yếu kinh tế tài chính và hành chính để đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu thu - chi. Lập dự toán thu chi

NSX là khâu mở đầu cho một chu trình ngân sách nên nó làm cơ sở, nền tảng cho các khâu tiếp theo, đặc biệt là khâu chấp hành ngân sách. Cho nên khi lập dự toán thu chi ngân sách phải đảm bảo yêu cầu sau:

- Phải tính toán đầy đủ và chính xác các khoản theo đúng quy định của Nhà nước.

- Bố trí hợp lý các nhu cầu chi tiêu nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính quyền cấp xã đồng thời góp phần xây dựng nông thôn phát triển.

- Dự toán thu chi ngân sách phải theo đúng mục lục ngân sách và các mẫu biểu theo quy định của bộ tài chính.

** Căn cứ lập:*

- Chế độ phân cấp về nguồn thu, nhiệm vụ chi NSX.
- Chế độ quy định về thu ngân sách.
- Chế độ, tiêu chuẩn định mức về chi NSX.
- Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.
- Số kiểm tra về dự toán NSX do UBND huyện thông báo.
- Tình hình thực hiện dự toán năm hiện hành.

** Trình từ lập:*

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch NSX 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm.

- Các ban ngành hoặc tổ chức thuộc UBND xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao về chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi, lập dự trù kinh phí nhu cầu chi.

- Ban tài chính xã phối hợp với đội thuế xã tính toán các khoản thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã.

- Ban tài chính xã tính toán, cân đối, lập dự toán thu chi NSX trình UBND xã báo cáo Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND xã để xem xét gửi UBND thành phố và phòng Tài chính Kế hoạch thành phố.

1.2.3.2. Chấp hành dự toán ngân sách xã

Chấp hành dự toán NSX là khâu tiếp theo khâu lập dự toán ngân sách của một chu trình ngân sách, là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế, tài chính và hành chính nhằm biến các chỉ tiêu thu chi ghi trong kế hoạch ngân sách năm trở thành hiện thực. Để làm được điều đó cần tiến hành quản lý các khâu sau:

** Quản lý quá trình thu NSX:*

- Ban Tài chính xã có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thuế giám sát kiểm tra các nguồn thu ngân sách Nhà nước đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời. Riêng khoản thu từ quỹ đất công ích 5%, tài sản công và hoa lợi công sản là nguồn thu thường xuyên của NSX. Vì vậy không được khoán thầu thu một lần và nhiều năm. Trường hợp cần thiết có thể thu một số năm nhưng chỉ trong nhiệm kỳ của UBND.

- Trường hợp đối tượng phải nộp ngân sách có điều kiện nộp tiền trực tiếp vào NSNN tại Kho bạc Nhà nước, thì căn cứ vào thông báo thu của cơ quan thu hoặc ban Tài chính xã, đối tượng nộp ngân sách lập giấy nộp tiền và trích tài khoản hoặc mang tiền tiền tới kho bạc Nhà nước để nộp trực tiếp vào NSNN.

- Trường hợp đối tượng phải nộp ngân sách không có điều kiện nộp trực tiếp vào NSNN tại Kho bạc Nhà nước thì các khoản thu thuộc nhiệm vụ thu của cơ quan nào thì cơ quan đó thu, sau đó viết giấy nộp tiền mang tới kho bạc Nhà nước để nộp vào NSNN.

- Nghiêm cấm thu không có biên lai, thu để ngoài sổ sách.

- Trường hợp phải hoàn trả khoản thu NSX, kho bạc Nhà nước xác nhận rõ số tiền đã thu vào NSX để ban tài chính xã làm căn cứ thoát thu cho đối tượng được hoàn trả.

- Chứng từ thu phải được luân chuyển theo đúng quy định của luật NSNN

- Đối với thu bổ sung của NSX, phòng Tài chính Kế hoạch chuyển căn cứ vào dự toán giao cho từng xã, dự toán thu chi từng quỹ của xã và khả năng cân

đối ngân sách huyện, thông báo bổ sung hàng quý cho xã chủ động điều hành ngân sách để đảm bảo cho xã có nguồn chi, nhất là cho bộ máy quản lý.

** Quản lý quá trình chi NSX:*

- Nguyên tắc chi:

+ Việc thực hiện chi phải đảm bảo điều kiện: đã ghi trong dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định, được UBND xã hoặc người được ủy quyền chuẩn chi.

+ Cấp NSX chỉ dùng hình thức lịch chi tiền. Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt phải kèm theo giấy đề nghị rút tiền mặt, kho bạc Nhà nước kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì thực hiện thanh toán.

+ Trong trường hợp cần thiết như: Tạm ứng công tác phí, ứng tiền trước cho khách hàng, cho nhà thầu theo hợp đồng, chuẩn bị hội nghị, tiếp khách,.. mua sắm nhỏ được tạm ứng để chi khi có đủ chứng từ hợp lệ, ban tài chính xã lập bảng kê chứng từ chi và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng gửi kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm thủ tục chuyển tạm ứng sang thực chi ngân sách.

+ Các khoản thanh toán từ NSX qua Kho bạc Nhà nước cho các đối tượng có tài khoản giao dịch ở kho bạc hoặc ở Ngân hàng phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản.

+ Đối với các khoản chi từ các nguồn thu được giữ lại tại xã, ban tài chính xã, khi làm thủ tục thu chi phải kèm theo bảng kê chứng từ thu và bảng kê chứng từ chi.

- Đối với chi thường xuyên:

+ Ưu tiên chi trả sinh hoạt phí, các khoản phụ cấp cho cán bộ xã, không để nợ sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp.

+ Các khoản chi thường xuyên khác phải căn cứ vào dự toán năm, tình hình cấp bách của công việc, khả năng của NSX tại thời điểm chi để thực hiện chi cho phù hợp.

- Đối với chi đầu tư phát triển:

+ Việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của NSX thực hiện theo quy định của Nhà nước và phân cấp của tỉnh, việc cấp phát, thanh toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của NSX thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Đối với dự án đầu tư bằng nguồn đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân phải đảm bảo: Mở sổ theo dõi và phản ứng kịp thời mọi khoản đóng góp bằng tiền, ngày công lao động, hiện vật của nhân dân trong xã. Quá trình thi công nghiệm thu và thanh toán phải có sự giám sát của ban giám sát dự án do nhân dân cử. Kết quả đầu tư và quyết toán dự án phải được thông báo công khai tới nhân dân trên địa bàn xã.

1.2.3.3. Quyết toán ngân sách xã

Quyết toán NSX là khâu cuối cùng của một chu trình ngân sách. Đó là công việc tổng kết lại quá trình thực hiện dự án ngân sách năm, nhằm đánh giá toàn bộ kết quả hoạt động của một năm ngân sách, từ đó rút ra được ưu, nhược điểm và bài học kinh nghiệm cho những chu trình ngân sách tiếp theo. Do vậy, việc quản lý khâu quyết toán thu chi NSX cần làm những công việc sau:

- Ban tài chính xã lập báo cáo quyết toán thu - chi NSX hàng năm trình UBND xã xem xét để trình HĐND xã phê chuẩn, đồng thời gửi phòng tài chính kế hoạch huyện để tổng hợp.

- Quyết toán chi NSX không được lớn hơn quyết toán thu NSX, kết dư NSX là số lệch lớn hơn giữa số thực thu và thực chi NSX. Toàn bộ kết dư năm trước được chuyển vào thu ngân sách năm sau.

- Sau khi HĐND xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán thu - chi được lập thành 05 bản để gửi HĐND xã, UBND xã, Phòng Tài chính Kế hoạch tỉnh, lưu tại phòng Tài chính Kế hoạch xã và thông báo công khai nơi công cộng cho nhân dân trong xã biết.

- Phòng Tài chính Kế hoạch tỉnh có trách nhiệm kiểm tra báo cáo quyết toán thu - chi NSX, trường hợp có sai sót phải báo cáo UBND tỉnh yêu cầu HĐND xã điều chỉnh.

1.2.3.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NS

Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đảm bảo việc thực hiện NS đúng pháp luật, việc sử dụng nguồn lực đóng góp của nhân dân đúng mục tiêu, chính những hậu quả xấu đè nặng lên người dân, người chịu thuế.

Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán NS được thực hiện bởi nhiều cơ quan, trong đó, chịu trách nhiệm chính và trước hết là thủ trưởng các đơn vị dự toán phải thường xuyên tự kiểm tra đối chiếu với chính sách chế độ về quản lý NS để đảm bảo việc thu, chi đúng chính sách, chế độ quy định. Các Bộ, các đơn vị dự toán cấp trên chịu trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành các chế độ thu, chi và quản lý ngân sách, quản lý tài sản Nhà nước của các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các đơn vị này thực hiện việc kiểm tra trong đơn vị mình. Cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách, cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ thu nộp NS, đơn vị sử dụng NS các cấp.

Thanh tra tài chính có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành thu, chi và quản lý NS, quản lý tài sản Nhà nước của các tổ chức và cá nhân.

Kiểm toán Nhà nước có nhiệm vụ xác định tính đúng đắn, hợp pháp của báo cáo quyết toán ngân sách các cấp và các đơn vị dự toán. Kết quả kiểm toán được báo cáo trước Chính phủ, Quốc hội và thực hiện trước khi Quốc hội, HĐND phê chuẩn quyết toán ngân sách.

1.2.4. Yêu cầu quản lý của NSNN cấp xã

Để quản lý NSNN cần nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng NSNN, củng cố kỷ luật tài chính, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả NS và tài sản của Nhà nước, tăng tích lũy nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quản lý NS cấp xã cần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh của cấp xã.

Với chi tiêu ngân sách, kinh phí của ngân sách được chi cho các sự nghiệp quan trọng của Nhà nước như sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa, sự nghiệp

giáo dục – đào tạo, sự nghiệp khoa học... Về hình thức là chỉ tiêu dùng nhưng thức chất là đảm bảo cho một xã hội trong tương lai có sự phát triển. Điều này cho thấy NSNN có vai trò đối với xã hội rất lớn. Chi NS cấp xã là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào ngân sách cấp xã và đưa chúng đến mục đích sử dụng. Vì vậy chi ngân sách cấp xã không phải chỉ là định hướng chung chung, mà phải được tính toán phân bổ theo từng chỉ tiêu, mục tiêu, từng hoạt động đảm bảo thực hiện được các vấn đề lớn, vấn đề mang tính trọng tâm thuộc mục tiêu chương trình của cấp xã và cả quốc gia.

Việc hoạch định bố trí, xây dựng cơ cấu các khoản chi ngân sách phải phù hợp với bối cảnh lịch sử và mục tiêu phát triển. Chi vào đâu? Chi bao nhiêu? Chi như thế nào? Chi nhằm mục đích gì? Đó là những vấn đề phải có sự chỉ đạo của Nhà nước và các cấp chính quyền cấp xã.

Quản lý các khoản chi là hướng tới mục tiêu đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả, các cơ quan thẩm quyền và chuyên môn của cấp xã phải luôn coi tiết kiệm và hiệu quả là tiêu chí cơ bản khi xác lập các biện pháp quản lý, từ đó quản lý chặt chẽ các đối tượng sử dụng NS, đối tượng thụ hưởng NS, quản lý có hiệu quả các khâu xây dựng dự toán, xây dựng tiêu chuẩn, định mức, chấp hành và quyết toán NS. Thường xuyên phân tích đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó đổi mới cơ cấu chi, các biện pháp quản lý chi. Gắn mục tiêu quản lý các khoản chi với nội dung quản lý các mục tiêu kinh tế vĩ mô (tăng thâm việc làm, kiềm chế lạm phát, ổn định cán cân thanh toán, ổn định xã hội, phát triển kinh tế, giữ vững quốc phòng an ninh...).

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý NSNN

1.3.1. Nhân tố khách quan

*** Hệ thống pháp luật**

Theo Mác: Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được đề lên thành luật và nội dung của nó bị quy định bởi điều kiện vật chất của xã hội. Nghĩa là pháp luật vừa là một phạm trù chủ quan thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, vừa là một phạm trù khách quan thể hiện ý chí bị quy định bởi điều kiện vật chất của xã hội.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội. Bản chất sâu xa của pháp luật là giai cấp, biểu hiện dễ thấy nhất của pháp luật là tính xã hội, tính dân tộc và tính mở.

Pháp luật xuất phát từ nhu cầu khách quan của xã hội, là nhu cầu tự thân của chính bộ máy Nhà nước để hoạt động hiệu quả dựa trên những nguyên tắc và quy định cụ thể. Là phương tiện để nhà nước quản lý kinh tế, xã hội, pháp luật triển khai những chủ trương, chính sách của nhà nước một cách nhanh nhất, đồng bộ và hiệu quả trên quy mô rộng lớn nhất. Chỉ có trên cơ sở một hệ thống pháp luật đồng bộ và đủ mạnh nhà nước mới phát huy được hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội.

Trong mỗi quan hệ kinh tế, pháp luật có tính độc lập tương đối:

-Pháp luật phụ thuộc vào kinh tế: nội dung pháp luật do các quan hệ kinh tế - xã hội quyết định, chế độ kinh tế là cơ sở của pháp luật. Pháp luật luôn phản ánh trình độ phát triển của chế độ kinh tế, nó không thể cao hơn hoặc thấp hơn trình độ phát triển đó.

-Pháp luật có tác động trở lại một cách mạnh mẽ đối với kinh tế có thể là tích cực hoặc tiêu cực: Khi pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị là lực lượng tiến bộ trong xã hội, phản ánh đúng trình độ phát triển của kinh tế thì pháp luật có nội dung tiến bộ và có tác động tích cực. Ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội.

*** Chính sách kinh tế vĩ mô**

Các công cụ của chính sách kinh tế vĩ mô gồm: Chính sách tài chính; chính sách tiền tệ; chính sách thu nhập; chính sách kinh tế đối ngoại...

Chính sách tài chính: Thực hiện điều tiết vĩ mô thông qua công cụ thuế và chi ngân sách nhà nước.

Điều hành chính sách tiền tệ: Mục tiêu tổng quát của chính sách tiền tệ là nâng cao phúc lợi kinh tế cho nhân dân, mục tiêu này là sự tổng hợp của sáu mục tiêu cụ thể có quan hệ cùng chiều và ngược chiều với nhau, đó là các mục

tiêu: Giá trị ổn định; Lãi suất ổn định; Việc làm có thu nhập cao; Kinh tế tăng trưởng; Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính ổn định; Thị trường ngoại hối ổn định.

Khi thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, Ngân hàng TƯ cung ứng thêm tiền cho lưu thông bằng cách giảm lãi suất chiết khấu, khuyến khích các Ngân hàng Thương mại mở rộng tín dụng và đầu tư cho các doanh nghiệp để tăng thêm sản lượng, việc làm, thu nhập, dẫn đến sự tăng lên của tổng cầu, GNP tăng lên, thu, chi ngân sách điều tăng.

Khi thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ (do có lạm phát cao) Ngân hàng TƯ rút bớt tiền về dự trữ bằng cách tăng lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay làm cho lạm phát giảm, tổng cầu giảm, GNP giảm, thu, chi ngân sách đều có xu hướng giảm.

Chính sách thu nhập: Chính sách này đảm bảo tiền lương và thu nhập cho mọi đối tượng lao động nhằm đảm bảo an sinh xã hội, khi ngành kinh tế có sự biến động như suy thoái hoặc lạm phát, chính phủ điều phải có những chính sách thích ứng, một khi kiểm soát lạm phát trở thành mục tiêu chính thì các chính phủ đều quan tâm đến việc ổn định giá cả (ổn định chỉ số giá tiêu dùng). Cách làm truyền thống để kiềm chế và đẩy lùi lạm phát là bằng các giải pháp giảm bớt cung tiền, giảm bớt chi tiêu của Chính phủ. Tuy vậy những giải pháp này sẽ gây ra hậu quả làm giảm đầu tư, giảm sản lượng, tăng thất nghiệp, giảm GNP thực tế, hạn chế tiền lương, ảnh hưởng đến thu, chi ngân sách.

Chính sách kinh tế đối ngoại: Kiểm soát tỷ giá ngoại hối, kiểm soát ngoại thương, thuế quan, trợ cấp xuất khẩu, nhập khẩu... Chính sách này có tác dụng điều tiết các hoạt động xuất nhập khẩu. Khi giá trị đồng nội tệ lên cao so với ngoại tệ, các doanh nghiệp trong nước tham gia xuất khẩu sẽ gặp khó khăn hơn so với khi đồng nội tệ ổn định và giảm giá so với so với đồng ngoại tệ, lúc này các khoản thu ngân sách từ các hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp cũng biến động theo hiệu quả kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp.

**** Nhân tố thuộc về đối tượng quản lý***

Tất cả các nguồn tài chính hình thành trong quá trình sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu dùng cả trong và ngoài nước có khả năng động viên vào NSNN để hình thành quỹ NS là nguồn của NSNN. Thu NSNN cần xác định đúng nguồn thu, xây dựng chế độ động viên thích hợp, tránh bỏ sót nguồn thu, đồng thời hạn chế tối đa tác động tiêu cực của thu NSNN đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh ở mỗi đơn vị. Trong các nguồn thu của NSNN, thuế là khoản thu chủ yếu, là công cụ đóng vai trò quan trọng trong quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thuế thực hiện kiểm kê, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tiêu dùng.

Khi các cấp có thẩm quyền và các cơ quan chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc ở từng địa phương bám sát nguồn thu, cần xây dựng những biện pháp quản lý thu thuế chặt chẽ và hợp lý, từ khâu đăng ký thuế, kê khai thuế, tính thuế, theo dõi nộp thuế, thanh tra thuế, sẽ đảm bảo nguồn thu sát với thực tế, không bị bỏ sót.

Các cấp chính quyền phân định rõ từng quy trình tổ chức quản lý phù hợp sẽ đảm bảo thực hiện mục tiêu thu đúng, thu đủ, thu kịp thời căn cứ vào các yếu tố cấu thành một sắc thuế như người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, thuế suất, đơn vị tính thuế, các cơ chế thưởng, phạt...

1.3.2. Nhân tố chủ quan

**** Nhận thức của cấp xã về tầm quan trọng và trách nhiệm trong quản lý NSNN cấp xã***

Lãnh đạo cấp xã cần nắm vững các yêu cầu và nguyên tắc quản lý NSNN cấp xã, hiệu rõ NS cấp xã được hình thức đầu từ đâu? Tại sao NS cấp xã phải được quản lý đầy đủ, toàn diện ở tất cả các khâu từ lập dự toán ngân sách - chấp hành ngân sách — quyết toán ngân sách để tham gia chỉ đạo điều hành và quản lý NS.

Trên cơ sở nắm vững vai trò đặc điểm của NS cấp xã, ảnh hưởng của các nhân tố đến nguồn thu ngân sách như các chính sách vĩ mô về tài chính tiền tệ,

ảnh hưởng của hội nhập, ảnh hưởng của kinh tế thị trường, đối tượng thu ngân sách, yêu cầu của Nhà nước về đảm bảo chi ngân sách; các đối tượng được thụ hưởng ngân sách... để có định hướng quản lý ngân sách hợp lý theo từng giai đoạn.

Lãnh đạo cấp xã cần xây dựng những chính sách động viên sát hợp đối với mọi nguồn thu ngân sách, xây dựng mục tiêu và phương hướng rõ ràng kích thích mọi động lực phát triển kinh tế - xã hội kích thích sự sáng tạo, tài năng, tạo sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, phục vụ mục tiêu xây dựng thành công cơ sở vật chất- kỹ thuật cấp xã.

Thực tế cho thấy mỗi quốc gia có thể có chế độ chính trị, trình độ kinh tế, kết cấu xã hội, phong tục tập quán khác nhau nên không có một niềm kinh tế thị trường nào là bản sao của nền kinh tế thị trường khác... Điều đó đòi hỏi lãnh đạo mỗi quốc gia mỗi vùng miền, mỗi cấp trong đó có lãnh đạo các cấp ở cấp xã phải tự tìm ra những giải pháp những bước đi phù hợp và kết hợp sử dụng những cung cụ, chính sách tác động một cách linh hoạt sắc bén.



CHƯƠNG 2

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ TÌA DÌNH HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG – TỈNH ĐIỆN BIÊN

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Tìà Đình

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Tìà Đình có diện tích tự nhiên là 10.332,98 ha, nằm khu vực Đông Nam của huyện Điện Biên Đông. Địa hình chia cắt hiểm trở nhiều khe, suối có độ dốc từ đông sang tây là nơi tiếp giáp với 5 xã thuộc 03 huyện Điện Biên Đông, huyện Sông Mã, huyện Sốp Cộp của 02 tỉnh Điện Biên và Sơn La cụ thể như sau:

- + Phía bắc giáp xã Háng Lì của huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên
- + Phía tây giáp xã Pú Hồng của huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên
- + Phía đông giáp xã Luân Giới của huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên và xã Đứa Mòn của huyện Sông Mã tỉnh Sơn La
- + Phía nam giáp xã Sam Kha của huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La

Năm 2019 toàn xã có 571 hộ với 3.571 nhân khẩu sinh sống rải rác không tập trung với 8 cụm dân cư thuộc 14 bản. Gồm ba dân tộc, trong đó Mông chiếm 87,1%, Thái chiếm 9,5%, Lào chiếm 3,4% cùng sinh sống trên địa bàn xã Tìà Đình huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn còn cao đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn xã có những thuận lợi và khó khăn cơ bản như sau:

*** Thuận lợi**

Đảng bộ, chính quyền nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã được đầu tư các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân các bản trên địa bàn xã yên tâm sản xuất.

*** Khó khăn**

Tình trạng sụt lún sạt lở khu trung tâm xã còn diễn biến phức tạp. Bước đầu xây dựng sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương bước đầu còn gặp khó khăn. Dịch bệnh trên đàn gia súc còn tiềm ẩn, hiện tượng thiên tai mưa lũ, sạt lở diễn ra phức tạp.

Tình trạng tuyên truyền đạo biến tướng trái pháp luật, xuất cảnh trái phép, tảo hôn, tự tử bằng lá ngón, buôn bán vận chuyển buôn bán ma túy còn phức tạp.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội của xã Tà Dinh

Năm 2019, mặc dù gặp nhiều khó khăn như: Thiên tai, dịch bệnh, giao thông đi lại khó khăn, nhưng sự cố gắng của hệ thống chính trị và Nhân dân đồng sức, đồng lòng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã đạt được những kết quả sau:

2.1.2.1. Sản xuất nông nghiệp

Mặc dù thời tiết gặp nhiều khó khăn song sự tập trung chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND chỉ đạo kịp thời thực hiện tốt các phương án khắc phục vì vậy sản xuất nông nghiệp đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

Biểu 2.1: Kết quả trồng trọt của xã Tà Dinh năm 2019

STT	Loài cây	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tạ)
1	Ngô	135	15	2.025
2	Lạc	2	10	20
3	Sắn	108	60	6.480
4	Bí	22,1	81	1.790,1
5	Lúa đông xuân	5	30	150
6	Lúa nước gieo trồng vụ mùa	80	30	2.400
7	Lúa nương	1.080	15	16.200

(Nguồn: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã Tà Dinh năm 2019)

Nhìn chung về sản xuất nông nghiệp đầu năm 2019 tuy năng suất không cao nhưng vẫn được đảm bảo.

2.1.2.2. Chăn nuôi - Thú y

UBND xã xác định đây là ngành kinh tế mũi nhọn của xã, phát huy được tiềm năng thế mạnh của địa phương nhằm tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo bền vững. Do vậy đã quyết liệt chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 22/08/2017 của Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 10/02/2017 của UBND huyện về phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê trên địa bàn huyện năm 2017-2020.

Biểu 2.2. Kết quả chăn nuôi của xã Tà Dinh trong 3 năm từ 2017 – 2019

Đơn vị tính: con

STT	Vật nuôi	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	TĐPTBQ (%)
1	Tổng đàn trâu	635	678	704	105,29
2	Tổng đàn bò	1.717	1.979	2.259	114,7
3	Tổng đàn dê	670	59	140	45,71
4	Tổng đàn lợn	1.543	1.747	1.484	98,06
5	Tổng đàn gia cầm	5.949	6.850	7.865	114,98
6	Tổng đàn gia súc	4.565	4.463	4.587	100,24

(Nguồn: Báo cáo phát triển kinh tế xã Tà Dinh từ năm 2017 – 2019)

Biểu 2.2 Cho thấy qua 3 năm kết quả chăn nuôi tại xã Tà Dinh, cụ thể như sau:

- Tổng đàn trâu năm 2018 tăng 43 con so với 2017, năm 2019 tăng 26 con so với 2018. TĐPTBQ là 105,29%.

- Tổng đàn bò năm 2018 tăng 262 con so với năm 2017, năm 2019 tăng 280 con so với năm 2018. TĐPTBQ là 114,75%.

- Tổng đàn dê năm 2018 giảm 611 con so với năm 2017, năm 2019 tăng 81 con so với năm 2018. TĐPTBQ là 45,71%.

- Tổng đàn lợn năm 2018 tăng 204 con so với năm 2017, năm 2019 giảm 263 con so với năm 2018. TĐPTBQ là 98,06%.

- Tổng đàn gia cầm năm 2018 tăng 901 con so với năm 2017, năm 2019 tăng 1.015 con so với năm 2018. TĐPTBQ là 114,98%.

- Tổng đàn gia súc năm 2018 giảm 012 con so với năm 2017, năm 2019 tăng 124 con so với năm 2018. TĐPTBQ là 100,24%.

2.1.2.3. Công tác về Lâm nghiệp

Tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống cháy rừng và bảo vệ rừng cho 10 bản với 559 lượt người tham gia; Kiện toàn 01 ban chỉ huy PCCCR cấp xã với 35 thành viên, củng cố được 10 tổ PCCCR bản với tổng số thành viên 571 người; Tổ chức công bố Quyết định phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 đến các bản ngoài thực địa trên địa bàn.

Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 10.332,98 ha; trong đó: Đất nông nghiệp là 8.694,76 chiếm 84,14% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 1.283,98 ha, chiếm 12,42% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng 354,54 ha, chiếm 3,44% diện tích tự nhiên. Cụ thể như sau:

a. Nhóm đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Diện tích 2.985,03 ha, chiếm 28,9% diện tích tự nhiên.
- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 973,07 ha, chiếm 9,4% diện tích tự nhiên.
- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 1.928,58 ha, chiếm 18,66% diện tích tự nhiên.
- Đất rừng đặc dụng: Diện tích 783,08 ha, chiếm 7,6% diện tích tự nhiên.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 569,02 ha, chiếm 5,5% diện tích tự nhiên.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 1,05 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích 8,1 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên.
- Đất có mục đích công cộng: Diện tích 33,6 ha, chiếm 0,3% diện tích tự nhiên.
- Đất làm nghĩa trang nghĩa, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Diện tích 10,06 ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích 662,15 ha, chiếm 6,45% diện tích tự nhiên.

c. Nhóm đất chưa sử dụng

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích 223,6 ha, chiếm 2,16% diện tích tự nhiên.

- Núi đá không có rừng cây 130,64 ha, chiếm 1,26% diện tích tự nhiên.

Biểu 2.3. Hiện trạng sử dụng đất ở xã Tà Dinh năm 2019

STT	LOẠI ĐẤT	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		10.332,98	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.694,76	84,14
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	5.983,1	57,9
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN		
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.985,03	28,9
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	973,07	9,4
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	2.711,66	26,24
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.928,58	18,66
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	783,08	7,6
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		
1.4	Đất làm muối	LMU		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.283,98	12,42
2.1	Đất ở	OCT	569,02	5,5
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	569,02	5,5
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.2	Đất chuyên dùng	CDG		
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,05	0,01
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP		
2.2.3	Đất an ninh	CAN		
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	8,1	0,07
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK		
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	33,6	0,3
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	10,06	0,09
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	662,15	6,45
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	354,24	3,44
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	223,6	2,16
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	130,64	1,26

(Nguồn: Phòng thống kê xã Tà Dinh)

Tổ chức thực hiện bảo vệ diện tích có rừng là 2.711,66 ha; Trong đó đã giao cho cộng đồng, cá nhân quản lý bảo vệ với diện tích là 1.928,58 ha. Diện tích còn lại chưa giao được là 783,08 ha. Khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp và khoanh nuôi mới năm 2019 không đạt chỉ tiêu kế hoạch huyện giao; Giao khoán bảo vệ rừng mới được 190,4 ha. Kế hoạch giao trồng 10 nghìn cây phân tán không thực hiện được (do UBND tỉnh ban hành Quyết định số 45 ngày 24/12/2018 thay thế QĐ 02/2014 trong đó không có chính sách hỗ trợ trồng cây phân tán); Tiếp tục triển khai thực hiện việc giao đất giao rừng theo Kế hoạch 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh; độ che phủ rừng ước năm 2019 đạt 26,24 %.

Trong năm 2019 xử lý 01 vụ vi phạm về lĩnh vực lâm nghiệp; Thực hiện chi trả tiền bảo vệ rừng cho 05 cộng đồng, 05 cá nhân, với tổng diện tích 325,69 ha là 130 triệu đồng; Chi trả tiền khoanh nuôi tái sinh cho 03 hộ gia đình với diện tích là 12,96 ha là 6,4 triệu đồng; chi trả tiền quản lý bảo vệ rừng theo 388 cho 7 cộng đồng với diện tích 1.400 ha là 586,6 triệu đồng.

2.1.2.4. Công tác đảm bảo thủy lợi phòng chống thiên tai

- Công tác đảm bảo thủy lợi: Chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn phối hợp với các bản làm tốt công tác vận động nhân dân thường xuyên nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để đảm bảo nước tưới cho sản xuất, đề nghị thực hiện duy tu, sửa chữa 01 công trình thủy lợi bị hư hỏng .

- Công tác phòng chống thiên tai: Ban chỉ đạo cấp xã đã làm tốt công tác thường trực phòng chống thiên tai, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc công tác trực ban PCTT của các thành viên Ban chỉ đạo xã để có các phương án kịp thời ứng phó các tình huống sấu nhất có thể xảy ra trên địa bàn. Tổ chức rà soát các hộ nằm trong vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai, hỗ trợ kịp thời các gia đình bị thiệt hại. Tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động, phòng tránh thiên tai, kịp thời ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

2.1.2.5. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Thực hiện công tác quản lý quy hoạch trung tâm xã theo Đồ án Nông thôn mới giai đoạn đến 2020.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06-NQ/ĐU ngày 23/01/2018 của Đảng ủy xã, UBND xã đã cụ thể hóa bằng việc ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 về thành lập Tổ công tác đôn đốc thực hiện hoàn thành các tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo tổ công tác tập trung thực hiện hoàn thiện hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới các tiêu chí 14, 15, 16; tổ chức rà soát các tiêu chí tại địa bàn xã phân đầu đến hết năm 2019 duy trì các tiêu chí đã đạt được và hoàn thành thêm 03 tiêu chí 14,15,16; Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới vào ngày 30/06/2019, tham gia triển lãm các sản phẩm đặc trưng của địa phương tại hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới tỉnh. Kết quả thực hiện năm 2019 xã đạt 7 tiêu chí (Tiêu chí số 1,3,7, 12,14,15,16).

2.1.2.6. Điện lưới, giao thông

*** Điện lưới quốc gia**

Xã có 4 bản có điện lưới quốc gia, toàn xã có 247 hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, tăng 01 bản có điện so với năm 2018; tổng số hộ sử dụng điện lưới quốc gia là 247 hộ tăng 50 hộ so với năm 2018.

*** Giao thông vận tải**

Xã đang quản lý 01 tuyến đường trục xã, 05 tuyến đường liên xã, 09 tuyến đường liên bản, 10 tuyến đường nội đồng với tổng chiều dài là 95,1 km . Đường giao thông nông thôn loại B được bê tông hoá 3,5 km , tỷ lệ cứng hóa 3,6%; đến hết năm 2019 đã có 4/10 bản có đường bê tông xi măng nội bản;

Trong năm thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến đường giao thông trên địa bàn nhất là trong và sau mùa mưa lũ để kịp thời khắc phục; trong năm các tuyến đường giao thông được đảm bảo thông suốt đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân; năm 2019 UBND xã đã huy động Nhân dân trên 571 ngày công để tham gia công tác đảm bảo giao thông.

2.1.2.7. Công tác tài chính

UBND xã đã tập trung chỉ đạo, đôn đốc công chức kế toán, đơn vị nhà thầu thi công thực hiện tốt công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định. Xã phê duyệt quyết toán 01 công trình đường nội đồng Chua Ta với số tiền là 3.961 triệu đồng.

Công tác quản lý thu – chi, điều hành ngân sách theo đúng các quy định của luật ngân sách; các ban ngành đoàn thể dự toán thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành Quyết định 11/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 thành lập tổ đôn đốc công tác thu ngân sách trên địa bàn.

- Tổng thu ngân sách địa phương đạt 10.028 triệu đồng trong đó: Đến 30/11/2019 thu ngân sách trên địa bàn được 26,7 triệu đồng, dự ước hết năm 2019 thu được 28 triệu đồng đạt 100% kế hoạch chỉ tiêu huyện giao.

- Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện giải ngân tính đến 30/11 được 8.774 triệu đồng đạt 84,94% kế hoạch vốn. Dự tính hết năm 2019 thực hiện giải ngân được 10.028 triệu đồng đạt 100%.

- Tổng chi chương trình mục tiêu quốc gia, và các chương trình mục tiêu khác thực hiện giải ngân tính đến 30/11 được 1.423 triệu đồng đạt 70,5% kế hoạch vốn. Dự tính hết năm 2019 thực hiện giải ngân được 2.021 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn.

- Chi đa dạng hóa sinh kế hỗ trợ mua 14 con bò sinh sản cho 14 hộ, chi mô hình nhân rộng giảm nghèo hỗ trợ cho 41 hộ để mua 29 con bò giống sinh sản từ nguồn sự nghiệp 30a là 345 triệu đồng. Chi đa dạng hóa sinh kế hỗ trợ mua 16 con bò sinh sản cho 16 hộ từ nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình 135 là 190 triệu đồng.

2.1.2.8. Hoạt động tín dụng

Tổng nguồn vốn của phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách - Xã hội thực hiện đến 30/11 là 12.178 triệu đồng. Nợ xấu 30 triệu đồng; Kết quả các tổ chức hội ủy thác như sau:

- Hội Nông dân là 3.327 triệu đồng, 03 tổ vay vốn với 137 hộ ở Na Su, Chua Ta 1, Chua Ta 2

- Hội Phụ nữ là 3.038 triệu đồng chia làm 04 tổ vay vốn với 96 hộ vay ở Tà Dinh 1, Tà Dinh 2.

- Hội Cựu chiến binh là 2.768 triệu đồng chia làm 03 tổ vay vốn với 99 hộ vay ở Tào La, Na Hay.

- Đoàn Thanh niên là 3.048 triệu đồng làm 03 tổ vay vốn với 112 hộ vay ở bản Tà Ghênh, Háng Sua, Púng Báng.

2.1.2.9. Công tác giáo dục

Thực hiện tốt công tác giảng dạy, hoàn thành năm học 2018-2019, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp bậc Tiểu học (TH) đạt 100%, bậc Trung học cơ sở (THCS) đạt 98%. Tổng số học sinh ở các bậc học đầu năm học 2019-2020 là 1.180 học sinh, đạt 98 % kế hoạch huyện giao. Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Mầm non (MN) cho trẻ 5 tuổi mức độ 1, xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập trung học cơ sở mức độ 2.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên.

Bậc học MN: 404HS, đạt 97,58% kế hoạch huyện giao; Bậc Tiểu học 468 HS đạt 99,5% kế hoạch huyện giao, , Bậc THCS 308 HS, đạt 98% so với kế hoạch huyện giao. Hệ bổ túc văn hoá 15 HS, đạt 95,52% kế hoạch huyện giao cả năm.

2.1.2.10. Công tác Y tế

- Làm tốt công tác Khám, chữa bệnh cho nhân dân, nhất là tuyến cơ sở. Thực hiện khám, chữa bệnh 3.234 lượt người giảm 34 lượt người so với năm trước, điều trị nội trú cho 70 lượt người tăng 35 lượt; Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi là 55% tăng 7% so với năm trước, gấp 1,7 lần kế hoạch huyện giao ; Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi là 64%, tăng 15,5% so với năm trước gấp 1,3 lần so với kế hoạch huyện giao; Hoàn thành đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100% kế hoạch huyện giao;

- Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm, triển khai theo kế hoạch.

- Dân số trung bình trên địa bàn xã (qua điều tra rà soát đợt tháng 4/2019) là 3.500 người. Tỷ suất tăng dân số tự nhiên là 56%; số trẻ mới sinh là con thứ 3 trở lên 14 trẻ, giảm 4,3 % so với năm trước; Triển khai công tác hoạt động truyền thông và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại 10 bản.

Tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi tiêm đầy đủ các loại vắc xin đạt 102/107 trẻ = 95,3 %, tăng 4,4 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 100% kế hoạch huyện giao; Tỷ lệ tiêm uốn ván cho phụ nữ có thai đạt 79/107 người = 73,8 %, giảm 10,7 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 78,2% so với kế hoạch huyện giao.

2.1.2.11. Văn hóa – thông tin, truyền thông

*** Hoạt động văn hóa**

- Các hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì, đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị và nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị trong năm. Toàn xã có trên 97 hộ tham gia luyện tập thể dục, thể thao, thành lập được 03 câu lạc bộ thể dục thể thao, có hơn 981 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

- Công tác xây dựng đời sống văn hóa và phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới" được quan tâm. Toàn xã có 10 bản đạt danh hiệu bản văn hóa, đạt 100 % kế hoạch giao; 414 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt 100% kế hoạch giao; 04 cơ quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa, đạt 100% kế hoạch giao; UBND xã lập tờ trình đề nghị Trường CĐSP Điện Biên, phòng Tài Chính kế hoạch huyện hỗ trợ làm 02 nhà văn hóa tại bản Tà Ghénh, Tà Dính 2 bằng nguồn xã hội hóa.

*** Công tác thông tin, truyền thông**

- Tổ chức triển khai công tác thông tin, truyền thông với nội dung, chương trình tuyên truyền: xây dựng Đảng, Chỉ thị 05-CT/TW, pháp luật, an ninh - quốc phòng, chương trình MTQG về giảm nghèo, ma túy, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã

hội, y tế, sức khỏe, tiêm chủng, Thông điệp hiến máu tình nguyện, vệ sinh an toàn thực phẩm, mục tiêu thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chủ quyền biển đảo Việt Nam, về tình hình phát triển kinh tế xã hội, các sự kiện chính trị của Đảng, Nhà nước.

Xã có 01 đài truyền phát thanh FM. Trên địa bàn hiện có 3 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), tăng 01 trạm so với năm 2018.

2.1.2.12. Công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề, BHXH

**** Công tác an sinh xã hội***

Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đối với các gia đình chính sách, người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, hộ cận nghèo .

Cứu đói giáp hạt cho 120 hộ với 675 người là 20.250 kg gạo; Từ nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân hảo tâm, tiếp nhận và trao 50 suất quà cho hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai với tổng số tiền là 31,8 triệu đồng; Tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho 13 người cao tuổi với số tiền là 3,6 triệu đồng. Tổ chức tặng 07 suất quà trị giá 1,6 triệu đồng cho các cụ người cao tuổi. Hỗ trợ chi phí mai táng cho 03 trường hợp với tổng số tiền hỗ trợ là 41,7 triệu đồng. Hỗ trợ làm nhà ở cho 01 hộ gia đình có nhà ở bị đổ sập do thiên tai, với số tiền là 20 triệu đồng;

**** Tình hình xóa đói giảm nghèo***

Công tác xóa đói giảm nghèo được triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để ổn định đời sống Nhân dân, thực hiện phương châm giảm nghèo bền vững. Tổ chức tập huấn điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 trên địa bàn xã; Dự kiến hết năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo của xã giảm còn 58,66 %, giảm 6 % so với năm 2018.

**** Đào tạo nghề, giải quyết việc làm***

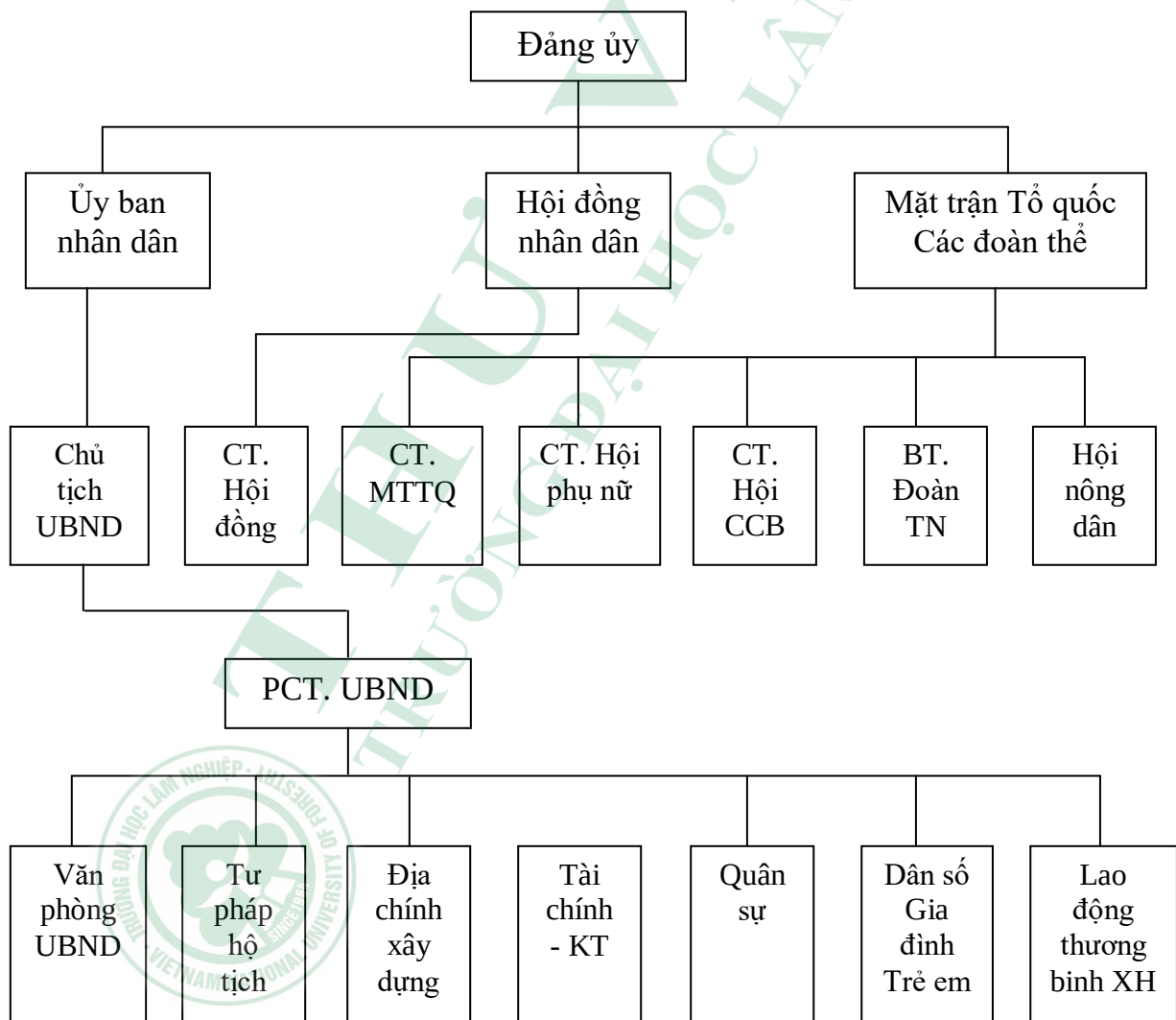
Tổ chức dạy nghề cho 35 lao động, đạt 33 % kế hoạch huyện giao, tăng 35 lao động qua đào tạo so với năm 2018; Tổng số người đi làm ở các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài huyện là 116 lao động, trong đó đi làm có tổ chức là 46 lao động, 70 lao động đi làm không có tổ chức. Tổng số lao động đang làm việc tại nước ngoài là 48 người trong đó có 16 lao động đi làm việc có

tổ chức ; 32 người đi lao động tự do . Giải quyết việc làm mới cho 164 lao động. Thực hiện phối hợp hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động đi làm ngoài tỉnh có tổ chức, hỗ trợ đưa lao động đi làm ngoài tỉnh là 05 lao động. Tổ chức tư vấn xuất khẩu lao động cho 08 quân nhân xuất ngũ về địa phương; Giải quyết việc làm cho 01 lao động đi làm tại công ty Than - Khoáng sản Việt Nam.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) là 3.438 người cấp cho các đối tượng là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, trẻ em.

2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của UBND Xã Tà Đình

Sơ đồ tổ chức bộ máy Chính quyền xã Tà Đình được thể hiện ở hình dưới đây:



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của UBND xã Tà Đình

(Nguồn: UBND Xã Tà Đình, 2019)

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

* Đảng: Lãnh đạo về chủ trương, đường lối, chính sách.

* UBND: do HĐND bầu ra, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, là cơ quan chấp hành hiến pháp, pháp luật, các văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND.

UBND trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định, ra quyết định, chỉ thị và kiểm tra việc thi hành những văn bản đó.

* Chủ tịch UBND xã:

- Chủ tịch UBND xã lãnh đạo, điều hành hoạt động của UBND Xã.

- Chủ tịch UBND có quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản sai trái, đồng thời đề nghị HĐND xã bãi bỏ những nghị quyết sai trái.

* Phó Chủ tịch UBND: Quản lý, phụ trách trực tiếp các lĩnh vực: tài chính, tư pháp, thanh tra xây dựng, địa chính, an ninh - quốc phòng, thương binh xã hội, văn hóa thông tin, giáo dục, y tế, dân số, chịu trách nhiệm trước chủ tịch UBND xã về nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, tham mưu cho Chủ tịch UBND Xã, cụ thể hóa các chế độ chính sách trong lĩnh vực tài chính - kế toán, tham gia xây dựng dự toán thu - chi Ngân sách địa phương, đề xuất ý kiến đối với các dự thảo, văn bản trình Chủ tịch UBND Xã.

- Kiểm tra đôn đốc các phòng ban chuyên môn trong việc tổ chức thực hiện, giám sát quá trình thực hiện các chính sách đã được cụ thể hóa thuộc lĩnh vực mình phụ trách, phát hiện, đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trình chủ tịch UBND Xã.

- Chủ động xử lý công việc trong phạm vi quyền hạn được giao.

2.3. Những thuận lợi, khó khăn và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của xã Tà Dinh

2.3.1. Những thuận lợi

- Xã Tà Dinh có tài nguyên đất, tài nguyên nước dồi dào, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp tạo nền tảng phát triển thương mại dịch vụ, hướng tới một nền công nghiệp hóa hiện đại hóa.

- Đảng bộ, chính quyền nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã được đầu tư các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân các bản trên địa bàn xã yên tâm sản xuất.

2.3.2. Những khó khăn

- Do Tà Dinh là xã vùng biên nên hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng còn chưa hoàn chỉnh, việc giao lưu thông thương hàng hóa với các địa bàn khác trong khu vực lân cận còn gặp nhiều khó khăn.

- Trên lĩnh vực nông nghiệp: chưa đảm bảo được tổng diện tích gieo trồng trong cả năm so với kế hoạch được giao nguyên nhân là do thời tiết nắng nóng kéo dài.

- Bước đầu xây dựng sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương bước đầu còn gặp khó khăn. Dịch bệnh trên đàn gia súc còn tiềm ẩn, hiện tượng thiên tai mưa lũ, sạt lở diễn ra phức tạp.

- Tình trạng tuyên truyền đạo biến tướng trái pháp luật, xuất cảnh trái phép, tảo hôn, tự tử bằng lá ngón, buôn bán vận chuyển buôn bán ma túy còn phức tạp.

2.3.3. Hạn chế còn tồn tại – nguyên nhân

a, Hạn chế còn tồn tại

- Phát triển rừng (trồng rừng, giao khoán khoán nuôi tái sinh, giao khoán BVR, tỷ lệ độ che phủ rừng) tiến độ triển khai thực hiện chậm, kết quả

đạt thấp, công tác quản lý rừng chưa tốt, vẫn còn dễ xảy ra cháy rừng làm thiệt hại trên 500m².

- Triển khai thực hiện một số dự án còn chậm, công tác quản lý, giám sát công trình chưa thực sự tốt dẫn đến một số công trình thi công thiếu trách nhiệm, chất lượng công trình không đảm bảo, thi công các công trình giao thông làm ảnh hưởng đến đất rừng; Công tác công bố bản đồ Quy hoạch chi tiết ba loại rừng còn chậm. Công tác di dân, quy hoạch tổng thể vùng di chuyển cơ quan hành chính về địa điểm mới còn chậm.

- Sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các cán bộ, công chức chưa được tốt, hiệu quả chưa cao. Công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức còn chậm so với yêu cầu đề ra.

- Tình trạng xuất cảnh trái phép, tranh chấp đất đai, chặt phá rừng làm nương rẫy, cháy rừng còn xảy ra, tình trạng tuyên truyền đạo trái pháp luật vẫn còn phức tạp; số vụ tự tử bằng lá ngón trên địa bàn còn tăng so với năm trước.

b, Nguyên nhân

*** Khách quan:**

- Nhận thức của người dân còn hạn chế, không muốn bỏ đất để trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, mức hỗ trợ các chính sách về trồng rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng của nhà nước còn quá thấp và bất cập.

- Việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng chưa được chặt chẽ, chưa phù hợp, còn có sự nhầm lẫn giữa các loại đất quy hoạch làm ảnh hưởng đến công tác trồng rừng, giao khoán KNTS và BVR và khó khăn trong thực hiện các dự án đầu tư CSHT nhất là dự án đường giao thông.

- Nguồn vốn ngân sách hạn hẹp phụ thuộc vào ngân sách huyện bổ sung, làm ảnh hưởng đến công tác đầu tư xây dựng các công trình CSHT.

- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, khô hạn, nắng nóng kéo dài làm ảnh hưởng đến năng suất các loại cây trồng (nhất là năng suất lúa nương).

- An ninh trật tự xã hội còn tiềm ẩn, nhiều yếu tố phức tạp.

*** Chủ quan:**

- Công chức chuyên môn, tổ công tác lâm nghiệp của xã chưa có sự phối hợp, quyết liệt, sáng tạo trong việc chỉ đạo công tác trồng rừng, giao khoán khoán nuôi tái sinh và bảo vệ rừng. Lực lượng kiểm lâm địa bàn còn chưa sát sao việc quản lý địa bàn, quản lý bảo vệ rừng.

- Một số cán bộ công chức chưa chủ động trong việc tham mưu công việc, còn trông chờ vào lãnh đạo chỉ đạo cấp trên.

- Việc quản lý, giám sát, chất lượng các công trình đang thi công còn hạn chế về năng lực.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức ở một số vị trí của các đơn vị còn hạn chế về năng lực so với nhiệm vụ được giao; ý thức, tinh thần trách nhiệm, sự sáng tạo chưa cao.

- Công tác tuyên truyền về các vấn đề xuất cảnh trái phép, tranh đất đai, chặt phá rừng làm nương rẫy, tuyên truyền đạo trái, tự tử bằng lá ngón chưa thực sự hiệu quả.

2.4. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của xã Tà Đình

Năm 2019, với nhiều khó khăn và thách thức nền kinh tế thị trường có nhiều biến động, giá cả hàng hóa tăng giảm bất thường do vậy đã ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và các mục tiêu phát triển xã hội của đất nước và cũng như của, dù vậy Tà Đình đã đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đề ra trong năm 2019 và có các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cho năm 2020 như sau:

1. Phần đầu thu nhập bình quân trên đầu người đạt 14,7 triệu đồng/người/năm

2. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt 1.607 tấn, lương thực bình quân người đạt 450kg/ năm; Diện tích gieo cấy vụ chiêm xuân ước đạt 07 ha; Thực hiện khai hoang là 06 ha trở lên; Diện tích thủy sản 4,6 ha; Diện tích trồng mới cỏ là 06 ha; Phần đầu đưa sản lượng bí đao đủ cung cấp cho nhu cầu trên 50 tấn/ năm.

3. Tổng đàn gia súc đạt 4.815 con trở lên trong đó: Đàn trâu là 739 con, đàn bò là 2.371 con, đàn dê là 147con, đàn lợn là 1.558 con; Tổng đàn gia cầm là 8.258 con trở lên.

4. Phần đầu khoanh nuôi tái sinh mới 84 ha (45 ha khoanh nuôi, 39 ha quản lý bảo vệ) . Phần đầu giao 783ha diện tích rừng chưa giao được cho cộng đồng. Bảo vệ rừng 2.711,66 ha, độ che phủ rừng đạt 27,05 %;

5. Về xây dựng Nông thôn mới: Duy trì 07 tiêu chí đã đạt được và phần đầu đạt thêm 03 tiêu chí (tiêu chí 09 nhà ở dân cư, tiêu chí 05 trường học, tiêu chí số 06 cơ sở vật chất nhà văn hóa).

6. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 30 triệu đồng trở lên.

7. Duy trì 02 trường Mầm non, Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

8. Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế

9. Duy trì 10 bản được công nhận bản văn hóa; 430 hộ gia đình được công nhận hộ gia đình văn hóa, 04 cơ quan được công nhận cơ quan văn hóa.

10. Phần đầu đưa 70 lao động có tổ chức tại các khu công nghiệp ngoài huyện, 35 lao động đi làm có tổ chức.

11. Tỷ lệ hộ nghèo ước là 55 %.

12. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để xảy ra điểm nóng.



CHƯƠNG 3

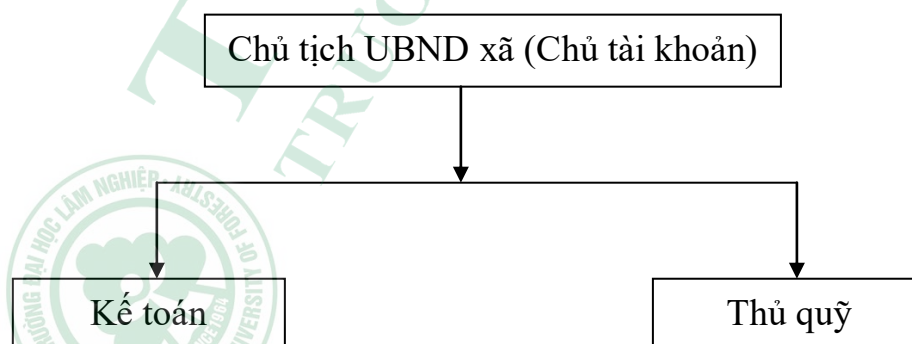
THỰC TRẠNG THU - CHI NGÂN SÁCH

TẠI XÃ TÌA DÌNH – HUYỆN ĐIÊN ĐÔNG – TỈNH ĐIỆN BIÊN

3.1. Tình hình thu chi Ngân sách của xã Tìà Đình

3.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý tài chính Ngân sách xã

Tất cả các xã, phường, thị trấn đều có Ban Tài chính, đảm bảo đủ các chức danh và phân định cụ thể các chức năng nhiệm vụ của từng chức danh, tạo điều kiện cho Ban Tài chính xã từng bước củng cố và tăng cường công tác quản lý Tài chính ngân sách xã, phường, thị trấn ở địa phương. 100% cán bộ trong Ban tài chính xã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Tài chính - Ngân sách xã, phường, thị trấn và các kiến thức quản lý Nhà nước. Cán bộ Kế toán Ngân sách xã phải được đào tạo cơ bản, thực hiện đào tạo lại nghiệp vụ kế toán mới cho cán bộ làm công tác Tài chính xã, thường xuyên nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là kiến thức quản lý tài chính công để tham mưu cho UBND xã trong lĩnh vực tài chính và đảm bảo nhiệm vụ trong cơ chế như hiện nay. Nhằm đáp ứng nhu cầu tốt hơn công tác quản lý nguồn thu ngân sách cộng với sự chỉ đạo tập trung thống nhất của phòng tài chính kế toán đã giúp cho đơn vị hoạt động rất thuận tiện và phù hợp với tình hình kinh tế.



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý Ngân sách Xã Tìà Đình

* Chức năng và Nhiệm vụ của từng bộ phận

- Chủ tịch UBND Xã (Chủ tài khoản)

+ Tham mưu xây dựng kế hoạch sự toán thu chi ngân sách xã và tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả.

+ Kiểm tra đôn đốc các hoạt động tài chính kế toán và kết quả, thu chi ngân sách kịp thời.

- *Kế toán*

+ Thực hiện chi, chi theo lệnh chi, ghi chép số chi tiết thu, chi theo đúng quy định và giao dịch với thủ quỹ và xuất nhập quỹ.

+ Báo cáo thường xuyên hàng tuần hàng tháng về tình hình thực hiện thu chi cân đối ngân sách cho chủ tài khoản biết để quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật.

- *Thủ quỹ*

+ Quản lý tiền mặt ngân sách của UBND xã, xuất tiền mặt khi có lệnh chi, chi ứng của chủ tài khoản và phiếu chi xuất toán của phòng Tài chính kế toán theo quy định.

+ Thu tiền mặt nhập quỹ hàng ngày, hàng tháng khi có chủ trương, phiếu thu của kế toán đầy đủ, hàng tháng đối chiếu các thủ tục giấy tờ sổ sách với tài chính kịp thời.

3.1.2. Công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán Ngân sách

*** Công tác lập dự toán:**

Do nhận thức được vị trí, vai trò của công tác lập dự toán. Cấp ủy, chính quyền cơ sở đã chủ động chỉ đạo xây dựng dự toán. Dự toán phải dựa vào tình hình phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, quyết toán chu - thi năm trước, tình hình thực hiện dự toán thu - chi năm hiện hành, thực hiện 6 tháng đầu năm hiện hành và ước thực hiện cả năm hiện hành. Công tác lập đảm bảo dân chủ, công bằng, đúng trình tự, chất lượng dự toán từng bước được nâng cao. Nội dung thu chi tương đối sát với thực tế phát sinh, đảm bảo đúng mục lục Ngân sách. Tuy nhiên, dự toán thu chưa bao quát hết các nguồn thu, chưa sát thực tế, cơ cấu chi còn bất hợp lý, chưa chấp hành đúng nguyên tắc cân đối thu chi Ngân sách xã.

**** Công tác chấp hành dự toán:***

Đối với thu: Các khoản thu do xã quản lý và tổ chức thực hiện đều đảm bảo sát với nội dung kinh tế phát sinh. Thu đúng, thu đủ, đôn đốc nộp kịp thời vào Kho bạc Nhà nước, UBND xã không những khai thác tốt nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn mà còn trú trọng khai thác tận thu các khoản có tỷ trọng nhỏ, để có nguồn chủ động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở. Nhìn chung thực hiện dự toán thu Ngân sách xã thực hiện tốt dự toán đề ra và khai thác tốt các nguồn thu tại xã.

Đối với chi: Xã điều hành chi ngân sách đảm bảo tuân thủ dự toán được duyệt và chấp hành chế độ ưu tiên chi trả sinh hoạt phí, chi hoạt động đã được kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả, đúng chính sách chế độ của Nhà nước. Các khoản chi đã cơ bản tiết kiệm một phần, để giành cho chi đầu tư, phát triển nguồn thu, đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khoản chi không đúng dự toán, chi thường xuyên cao hơn định mức được duyệt, chưa đúng mục đích, không đảm bảo trật tự ưu tiên.

**** Công tác quyết toán:***

Cùng với tổ chức triển khai thực hiện Luật NSNN, việc triển khai thực hiện chế độ kế toán kèm theo Quyết định số 827/1998/QĐ/BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đến nay cán bộ Kế toán Ngân sách xã đã hạch toán, ghi chép vào sổ sách Kế toán có nề nếp. Việc thực hiện chế độ báo cáo kế toán được chấp hành nghiêm túc, chất lượng báo cáo ngày càng tiến bộ, đảm bảo số liệu khớp đúng, phản ánh đúng mục lục Ngân sách Nhà nước, từng bước đáp ứng yêu cầu kiểm tra, tổng hợp và phân tích, đánh giá các hoạt động tài chính của chính quyền cơ sở. Mặc dù đạt được những thành tựu khả quan trên, song việc quyết toán Ngân sách xã vẫn còn những hạn chế nhất định. Như chưa phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, việc sử dụng chứng từ thu còn tùy tiện, công tác quản lý, theo dõi tài sản còn yếu.

3.1.3. Công tác kiểm tra chấp hành các chế độ quản lý tài chính ngân sách xã

Những năm qua, cán bộ Kế toán - Ngân sách xã dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND xã và ngành dọc cấp trên luôn chấp hành tốt chủ trương và chế độ tài chính công, sự hướng dẫn của các chuyên viên Phòng Tài chính kế hoạch về các thủ tục lập, cấp và quyết toán ngân sách cũng như hướng dẫn nghiệp vụ hạch toán kế toán theo đúng cương, loại, khoản mục của Ngân sách Nhà nước ban hành. Hàng năm được tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu của ngành. Qua công tác kiểm tra chấp hành chế độ kế toán, thẩm định quyết toán đã phát hiện và được uốn nắn kịp thời các vi phạm góp phần đưa công tác quản lý ngân sách xã đi vào nề nếp theo luật định.

3.1.4. Việc thực hiện dân chủ, công khai tài chính Ngân sách xã

Trong thời gian qua xã đã tổ chức công khai trực tiếp toàn bộ dự toán, quyết toán trước và trong các cuộc họp của Đảng bộ, HĐND, UBND và thông báo trên loa truyền thanh của xã. Tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và công khai trực tiếp trong các cuộc họp của khu dân cư, hội nghị các đoàn thể. Đặc biệt trong điều kiện những năm qua, UBND xã đã kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa việc triển khai thực hiện dân chủ, công khai tài chính cơ sở với việc thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". tổ chức huy động nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng có hiệu quả, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và cộng đồng dân cư ại xã thông qua việc triển khai thực hiện dân chủ, công khai tài chính ở cơ sở đã phát huy quyền làm chủ của các tổ chức, cá nhân, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền địa phương.

3.2. Thực trạng công tác quản lý thu ngân sách của Xã Tà Đình

Công tác quản lý thu ngân sách xã Tà Đình trong những năm gần đây được thể hiện qua biểu 3.1.

Từ biểu 3.1. Cho thấy việc thu ngân sách xã hàng năm luôn tăng (tốc độ phát triển bình quân tăng 6,63%) nhưng tăng chủ yếu là do bổ sung ngân sách cấp trên và các khoản thu như phí, lệ phí. Thu ngân sách cấp trên tăng là do các

yếu tố như mức lương tối thiểu của Nhà nước tăng và tăng nguồn vốn xây dựng một số công trình tại địa phương.

- *Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi cộng sản, Đóng góp của dân theo quy định, Thu viện trợ đầu tư, Thu kết chuyển nguồn ngân sách:* Không có, tại vì xã Tà Dinh là một xã vùng núi vùng sâu vùng xa, là xã xa nhất huyện đường giao thông còn là đường đất, xã Tà Dinh là một xã đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế và thu nhập bình quân đầu người còn thấp nên cấp trên chưa áp dụng thu ngân sách của các khoản thu trên.

* *Giải pháp cho các khoản thu trên là:* Một số cán bộ xã còn chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình nên chưa tham mưu có hiệu quả cho cấp Ủy Đảng, chính quyền cơ sở trong quản lý điều hành công tác Tài chính của xã. Với nhận thức hạn chế, do vậy chưa giám sát kịp thời với khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất và việc đưa các loại giống mới vào sản xuất nên không tạo ra những đột biến trong sản xuất, hạn chế nguồn thu mới cho ngân sách của xã. Nhận thức của một số cán bộ chủ chốt về chấn chỉnh công tác quản lý Tài chính - Ngân sách của xã theo luật NSNN, củng cố tăng cường công tác quản lý tài chính ở cơ sở chưa kịp thời, chưa thường xuyên, chưa đồng bộ.

Xuất phát từ những thành công cũng như những hạn chế trong quá trình quản lý Ngân sách Nhà nước ở Xã Tà Dinh, khả năng tiềm tàng hiện nay của địa phương về đất đai, tài nguyên, lao động và các ngành nghề truyền thống thì việc tìm ra định hướng, biện pháp để phát huy những mặt mạnh, mặt hạn chế, yếu kém để tăng cường tổ chức quản lý và phát triển Ngân sách xã một cách ổn định, vững chắc là một yêu cầu cấp thiết.

- *Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:* Không có, lí do và những hạn chế về vấn đề này là: Lãnh đạo cấp xã cần xây dựng những chính sách động viên sát hợp đối với mọi nguồn thu ngân sách, xây dựng mục tiêu và phương hướng rõ ràng kích thích mọi động lực phát triển kinh tế - xã hội kích thích sự sáng tạo, tài năng, tạo sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở thành tựu của

khoa học và công nghệ hiện đại, phục vụ mục tiêu xây dựng thành công cơ sở vật chất- kỹ thuật cấp xã.

- *Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên*: Chiếm tỉ lệ rất lớn và có xu hướng tăng theo từng năm.

*** Chi tiết các khoản thu ngân sách xã:**

- **Thu bổ sung cân đối**: Khi luật ngân sách được triển khai thực hiện, tổng số thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã ngày càng tăng và chiếm vị trí quan trọng trong tổng thu ngân sách xã. Do vậy, nguồn thu chủ yếu của NSX là do ngân sách cấp trên cấp.



Biểu 3.1. Tình hình thu ngân sách xã Tà Dinh trong 3 năm từ 2017 - 2019

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		TĐPTBQ TH(%)
	DT	TH	DT	TH	DT	TH	
I. Các khoản thu 100%	25.000	25.000	25.000	25.000	28.000	28.500	106,77
1. Phí, lệ phí	20.000	20.000	20.000	20.000	22.000	22.500	106,06
2. Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	-	-	-	-	-	-	-
3. Đóng góp của dân theo quy định	-	-	-	-	-	-	-
4. Thu viện trợ để đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
5. Thu kết chuyển nguồn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
6. Thu khác	5.000	5.000	5.000	5.000	6.000	6.000	109,54
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0	0
1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-
2. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-	-
4. Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-	-
5. Lệ phí trước bạ, nhà đất	-	-	-	-	-	-	-
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.461.000	8.357.558	4.814.000	8.623.220	7.173.000	9.503.244	106,63
1. Thu bổ sung cân đối	4.461.000	4.626.000	4.814.000	4.814.000	5.152.000	5.152.000	105,5
2. Thu bổ sung có mục tiêu	-	3.731.558	-	3.809.220	2.021.000	4.351.244	107,9
3. Thu bổ sung khác	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng (1.000 đồng)	4.486.000	8.382.558	4.839.000	8.648.220	7.201.000	9.531.744	106,63
So sánh TH/DT (%)	186,86		178,72		132,37		
So sánh năm sau/năm trước (%)	95,64			74,06			

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán xã Tà Dinh)

3.3. Thực trạng công tác quản lý chi ngân sách của xã Tà Dinh

Thực trạng công tác quản lý chi ngân sách của xã Tà Dinh trong 3 năm 2017 - 2019 được tổng hợp ở biểu 3.2 như sau:

Biểu 3.2. Tình hình chi ngân sách Xã Tà Dinh trong 3 năm 2017 - 2019

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		TĐPTBQTH (%)
	DT	TH	DT	TH	DT	TH	
I. Chi đầu tư phát triển	0	2.915.972	0	2.439.026	0	2.845.000	98,77
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-	2.915.972	-	2.439.026	-	2.845.000	98,77
2. Chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-
II. Chi thường xuyên	3.684.348	4.542.327	3.805.096	5.247.194	6.256.000	5.698.780	112,00
1. Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	3.684.348	3.907.330	3.805.096	3.501.957	3.626.000	4.192.536	103,58
- Quản lý Nhà nước	2.326.952	2.543.205	1.908.294	2.459.940	2.156.500	2.830.923	105,5
- Đảng	447.282	530.140	474.960	469.081	507.000	512.482	98,32
- Đoàn thể	910.114	833.985	1.421.842	572.936	962,500	849.131	100,9
2. Chi chương trình mục tiêu	-	634.997	-	1.745.597	2.630,000	1.506.244	154,01
Tổng cộng (1.000 đồng)	3.684.348	7.458.299	3.805.096	7.686.220	6.256.000	8.543.780	114,55
Tồn quỹ chuyển năm sau		-	-	-	-	-	-
So sánh TH/DT (%)	202,43		201,99		73,22		
So sánh TH năm sau/năm trước (%)	103,05			111,15			

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán xã Tà Dinh)

Qua số liệu ở Biểu 3.2 cho thấy tổng chi ngân sách Xã Tà Đình qua các năm có xu hướng tăng theo đà phát triển kinh tế - xã hội của xã cũng như của huyện. Tổng chi ngân sách xã năm 2017 đạt 7.458.299 đồng bằng 202,43% so với dự toán. Tổng chi ngân sách xã năm 2018 đạt 7.686.220 đồng bằng 201,99% so với dự toán và tăng 3,05% so với thực hiện năm 2017. Năm 2019 tổng chi ngân sách xã là 8.543.780 đồng bằng 73,22% so với dự toán và tăng 11,15% so với thực hiện năm 2018. Tổng chi ngân sách xã ngày càng tăng là do xã chi đầu tư phát triển xây dựng một số hạng mục giao thông thủy lợi, nhiều chính sách của TƯ cũng như địa phương, giao cho xã thực hiện chế độ sinh hoạt phí tăng theo Nghị định 121 và 204/NĐ-CP của Chính Phủ về chế độ trưởng xóm, thôn, bản, y tế nông thôn.

Từ biểu 3.2. Cho thấy hầu hết các khoản chi thường xuyên của ngân sách xã đều sát với dự toán đề ra chênh lệch không đáng kể năm sau tăng hơn năm trước, điều đó chứng minh tình hình quản lý chi ngân sách xã luôn được quan tâm sát sao từ khâu lập dự toán.

Để tìm hiểu sâu hơn về công tác quản lý chi ngân sách xã trong những năm qua, tôi phân tích một số khoản chi như: Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên (trong đó phân tích sâu phần chi chương trình mục tiêu, chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể) để thấy được những thành tựu đã đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong quản lý tài chính ngân sách xã và đưa ra những biện pháp khắc phục những tồn tại yếu kém đó.

3.3.1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển cũng là khoản chi chiếm khá lớn trong tổng chi NSX của Xã Tà Đình. Trong 3 năm gần đây khoản chi này có xu hướng tăng giảm và luôn được thực hiện.

Từ biểu 3.2. Cho thấy hầu hết các khoản chi thường xuyên của ngân sách xã đều luôn được thực hiện.

Nguyên nhân là do trong 3 năm trên địa bàn xã có nhiều công trình được xây dựng ở địa phương. Tuy nhiên so sánh kết quả thực hiện trong 3 năm thì

tình hình chi đầu tư phát triển có xu hướng tăng lên, cụ thể: Năm 2019 tăng 16,6% so với năm 2018. Năm 2018 giảm 16,3% so với năm 2017 nhưng giảm không đáng kể. Nguyên nhân do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên xã Tia Dình cũng bị ảnh hưởng một phần.

3.3.2. Chi thường xuyên

3.3.2.1. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể

Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể là khoản chi chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi NSX của xã Tia Dình. Trong 3 năm khoản chi này có xu hướng tăng và thực hiện cao hơn với mức dự toán đặt ra.

Trong 3 năm quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn Thể thực hiện cao hơn so với dự toán, cụ thể: Năm 2017 tăng 6,05% so với dự toán, năm 2018 giảm 7,9% so với dự toán, năm 2019 tăng 15,6% so với dự toán.. Nguyên nhân tăng do một số chính sách của Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu, UBND xã tổ chức nhiều cuộc họp về chuyên đề xây dựng nông thôn mới và quán triệt Nghị quyết TƯ ban hành. Tuy nhiên so sánh kết quả thực hiện trong 3 năm thì tình hình chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể có xu hướng tăng lên.

3.3.2.2. Chi chương trình mục tiêu

Chi chương trình mục tiêu là khoản chi chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi NSX của xã Tia Dình để đáp ứng kịp thời các tiêu chí xây dựng nông Thôn mới.

Tuy nhiên so sánh kết quả thực hiện trong 3 năm thì tình hình chi chương trình mục tiêu có xu hướng tăng lên, cụ thể: Năm 2018 tăng 174,8% so với năm 2017, năm 2019 giảm nhưng không đáng kể, giảm 13,7% so với 2018.



Biểu 3.3. Tình hình chi ngân sách về sự nghiệp Xã Tà Đình trong 3 năm 2017 - 2019

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		TĐPTBQTH (%)
	DT	TH	DT	TH	DT	TH	
1.Chi dân quân tự vệ, trật tự ATXH	594.652	609.301	813.904	720.837	756.000	711.235	108,041
2. Sự nghiệp giáo dục	-	-	41.000	31.000	41.000	19.380	
3. Sự nghiệp Y tế	-	-	-	-	-	-	-
4. Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin	-	-	104.000	104.000	129.000	79.838	
5. Sự nghiệp Thể dục thể thao	-	-	30.000	30.000	30.000	30.000	
6. Sự nghiệp Kinh tế	-	-	235.000	257.222	238.000	255.409	
7. Sự nghiệp Xã hội	207.000	200.577	220.000	182.429	189.000	152.600	87,22
Tổng cộng (1.000 đồng)	801.652	809.878	1.443.904	1.325.488	1.383.000	1.248.462	124,15
Tồn quỹ chuyển năm sau	-	-					
So sánh TH/DT (%)	101,02		91,79		90,27		
So sánh TH năm sau/năm trước (%)	163,66			94,18			

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán xã Tà Đình)



Qua số liệu ở Biểu 3.3 Cho thấy tổng chi ngân sách sự nghiệp xã Tà Dinh qua các năm có xu hướng tăng theo đà phát triển kinh tế - xã hội của xã cũng như của huyện. Tổng chi ngân sách sự nghiệp xã năm 201 đạt 809.878 đồng bằng 101,02% so với dự toán. Tổng chi ngân sách sự nghiệp xã năm 2018 đạt 1.325.488 đồng bằng 91,79% so với dự toán và tăng 3,66% so với thực hiện năm 2017. Năm 2019 tổng chi ngân sách sự nghiệp xã là 1.248.462 đồng bằng 90,27% so với dự toán và giảm 4,18% so với thực hiện năm 2018. Tổng chi ngân sách sự nghiệp xã có xu hướng tăng, giảm nhưng không đáng kể.

Từ Biểu 3.3 cho thấy hầu hết các khoản chi sự nghiệp của ngân sách xã đều sát với dự toán đề ra chênh lệch không đáng kể năm sau tăng, giảm hơn năm trước, điều đó chứng minh tình hình quản lý chi ngân sách sự nghiệp xã luôn được quan tâm sát sao từ khâu lập dự toán.

Để tìm hiểu rõ hơn công tác quản lý chi ngân sách sự nghiệp xã trong những năm qua, tôi phân tích một số khoản chi như: Chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội, Chi sự nghiệp xã hội.

3.3.2.3. Chi chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội và chi sự nghiệp

a. Chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội

Chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội là khoản chi chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi NSX của xã Tà Dinh nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng của địa phương.

Chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội thực hiện và dự toán chênh lệch không đáng kể, cụ thể: Năm 2017 tăng 2,4% so với dự toán, năm 2018 giảm 11,4%, năm 2019 giảm 5,9% so với dự toán. Nguyên nhân là do phải huy động lực lượng dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu, tìm kiếm cứu nạn mùa lũ, trực phòng cháy chữa cháy mùa khô. Tuy nhiên so sánh kết quả thực hiện trong 3 năm thì tình hình chi dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội có xu hướng tăng rồi giảm.

b. Chi sự nghiệp Xã hội

Chi sự nghiệp xã hội là khoản chi chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi NSX của xã Tà Dinh để đáp ứng kịp thời nhiệm vụ phát triển Xã hội của địa phương trong 3 năm khoản chi này có xu hướng giảm nhưng không đáng kể.

Trong 3 năm chi sự nghiệp Xã hội thực hiện ít hơn so với dự toán, năm 2017 giảm so với dự toán nhưng không đáng kể giảm 3,1%, năm 2018 giảm 17,07%, năm 2019 giảm 19,0% so với dự toán. Nguyên nhân do trên địa bàn xã có nhiều công trình sửa chữa nâng cấp và các tiêu chí trong xây dựng Nông thôn mới nên phát triển sự nghiệp xã hội giảm và chú trọng quan tâm hơn về phát triển sự nghiệp kinh tế.

3.4. Cân đối thu - chi ngân sách của Xã Tà Dinh

Cân đối thu chi ngân sách xã Tà Dinh được tổng hợp như sau:

Biểu 3.4. Cân đối thu - chi ngân sách Xã Tà Dinh qua 3 năm từ 2017 - 2019

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	DT	TH	DT	TH	DT	TH
Tổng thu	4.486.000	8.382.558	4.839.000	8.648.220	7.201.000	9.531.744
Tổng chi	4.486.000	8.268.177	4.839.000	9.011.708	7.201.000	9.792.242
So sánh thu/chi (%)	100,00	101,38	100,00	95,96	100,00	97,33

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế Toán Xã Tà Dinh)

Biểu 3.4 cho thấy qua 3 năm tổng chi NSX lớn tổng thu NSX, cụ thể:

Qua 3 năm so sánh Thu/Chi của Dự toán đều bằng 100%.

Qua 3 năm so sánh Thu/Chi của Thực hiện nhìn chung tổng thu lớn hơn chi nhưng con số lớn hơn không đáng kể

+ Năm 2017 thu > chi 1,3%.

+ Năm 2018 thu < chi 5,96%.

+ Năm 2019 thu < chi 7,33%.

Nguồn thu chủ yếu của xã là nguồn thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

Trong khi đó nhiệm vụ chi năm 2017 của xã nhỏ hơn thu, năm 2018 và 2019 lớn

hơn thu nhưng chênh lệch không đáng kể là một điều tốt của tình hình cân đối thu – chi ngân sách xã nhưng tuy nhiên còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu từ ngân sách cấp trên. Nên xã cần tăng cường quản lý khai thác tốt nguồn thu từ nông nghiệp và sản xuất của xã.

3.5. Đánh giá chung về công tác quản lý thu - chi ngân sách xã Tia Đình

- Ngân sách xã là đơn vị hành chính cấp cơ sở có mối quan hệ trực tiếp với nhân dân, giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân, nên ngân sách xã phải đảm bảo nguồn tài chính cho sự tồn tại, hoạt động của bộ máy chính quyền xã là công cụ, phương tiện vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước của chính quyền cơ sở trong quản lý và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết toàn bộ các mối quan hệ ở địa phương, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Ngân sách xã vừa thực hiện nhiệm vụ thu - chi của một cấp ngân sách, vừa là đơn vị nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên, không phải cấp bổ sung cho cấp ngân sách nào khác.

- Năm 1997, ngân sách xã mới được thừa nhận là hệ thống ngân sách Nhà nước đã đánh dấu sự trưởng thành của ngân sách xã vì vậy việc quản lý thu - chi ngân sách xã theo luật ngân sách Nhà nước là việc mới mẻ đối với cấp đơn vị hành chính cấp cơ sở. Trước sự phát triển của đất nước nhằm tiến tới sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa và đang từng bước hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thì công tác quản lý thu - chi luôn tồn tại những hạn chế đó là điều khó tránh khỏi đất nước đang trên đường hội nhập kinh tế quốc tế.

- Cán bộ biên chế làm công tác tài chính xã còn ít chỉ có 01 đồng chí, do vậy cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành công việc.

- Công tác quản lý thu - chi ngân sách xã ở nước ta những năm qua bên cạnh những thành tựu đạt được cùng với sự đổi mới về cơ chế, chính sách tài chính nói chung, công tác quản lý thu - chi ngân sách xã nói riêng từng bước được củng cố và đạt được những thành tựu quan trọng góp phần xây dựng và phát triển nông thôn mới. Quản lý thu - chi ngân sách xã còn tồn tại những hạn chế nhất định trong khâu của quy trình quản lý thu - chi ngân sách xã như dự

toán ngân sách vẫn chưa bao quát hết các nguồn thu tại xã, cơ cấu chi chưa hợp lý vẫn còn điều chỉnh dự toán được duyệt khi thực hiện, quản lý lỏng lẻo, chi ngân sách xã chưa được quản lý chặt chẽ, chế độ định mức chi chưa thống nhất nên quyết toán còn thiếu công khai, dân chủ, việc kiểm tra, kiểm soát của các ban ngành chức năng còn hạn chế do còn thiếu trình độ và chuyên môn.

*** Nguyên nhân dẫn đến những yếu kém**

- Nguyên nhân khách quan:

Tuy đã có chủ trương, chính sách, chế độ được ban hành nhưng chưa đồng bộ, chưa sát thực tiễn, chưa cụ thể, chưa kịp thời, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành nhất là cơ sở. Một số cán bộ Đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện dân chủ, công khai tài chính ở cơ sở nên chưa quan tâm, chưa tích cực giám sát quá trình thực hiện quy chế này trong công tác quản lý Tài chính - Ngân sách xã.

- Nguyên nhân chủ quan:

Một số cán bộ xã còn chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình nên chưa tham mưu có hiệu quả cho cấp Ủy Đảng, chính quyền cơ sở trong quản lý điều hành công tác Tài chính của xã. Với nhận thức hạn chế, do vậy chưa giám sát cận ngành với khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất và việc đưa các loại giống mới vào sản xuất nên không tạo ra những đột biến trong sản xuất, hạn chế nguồn thu mới cho ngân sách của xã. Nhận thức của một số cán bộ chủ chốt về chấn chỉnh công tác quản lý Tài chính - Ngân sách của xã theo luật NSNN, củng cố tăng cường công tác quản lý tài chính ở cơ sở chưa kịp thời, chưa thường xuyên, chưa đồng bộ.

Xuất phát từ những thành công cũng như những hạn chế trong quá trình quản lý Ngân sách Nhà nước ở Xã Tà Đình, khả năng tiềm tàng hiện nay của địa phương về đất đai, tài nguyên, lao động và các ngành nghề truyền thống thì việc tìm ra định hướng, biện pháp để phát huy những mặt mạnh, mặt hạn chế, yếu kém để tăng cường tổ chức quản lý và phát triển Ngân sách xã một cách ổn định, vững chắc là một yêu cầu cấp thiết.

3.6. Một số giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu - chi ngân sách của Xã Tà Đình

3.6.1. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã khẳng định: "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng của Đất nước và chế độ là khâu then chốt trong xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực là yếu tố quyết định phẩm chất của bộ máy Nhà nước". Trên quan điểm đó Nghị quyết trung ương III đã xác định yêu cầu đối với cán bộ công chức trong giai đoạn hiện nay là: "Cần phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức toàn diện trước hết là về đường lối chính trị về quản lý Nhà nước và quản lý kinh tế".

- Đối với đội ngũ kế toán - tài chính xã đa số được đào tạo nghiệp vụ trung cấp kế toán, những thực tế chưa đáp ứng đủ yêu cầu nhiệm vụ được giao, cần phải được tiếp tục đào tạo để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

3.6.2. Tăng cường quản lý khai thác tốt nguồn thu nhằm tăng thu cho NS góp phần đáp ứng các nhu cầu chi ngày càng tăng của địa phương

- Tăng cường kiểm tra các hộ kinh doanh, đưa tất cả các hộ kinh doanh vào quản lý thu thuế theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm các văn bản Nhà nước về thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác.

- Đầu tư nâng cấp những cơ sở hiện có từ nguồn thu phí, lệ phí và các khoản nhân dân đóng góp như: bến bãi, kênh mương, thủy lợi, đường giao thông.

- Đầu tư xây dựng chợ xã: Phương án này mở rộng việc giao lưu hàng hóa của nhân dân ở địa phương tăng thêm số hộ kinh doanh. Từ đó sẽ tăng thêm nguồn thu cho NS.

3.6.3. Tăng cường sự kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng

Để quản lý tài chính NS xã ngày một tốt hơn, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là phải tăng cường công tác kiểm tra:

- Tăng cường sự kiểm tra giám sát của HĐND xã là cơ quan có quyền lực ở địa phương có chức năng kiểm tra giám sát hoạt động của UBND xã và tình hình chấp hành luật pháp của các ban ngành ở xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên của cán bộ chuyên quản, của các cơ quan chức năng huyện có sự kết hợp thường xuyên kiểm tra với tinh thần trách nhiệm cao sẽ góp phần tăng cường quản lý tài chính ngân sách xã tốt hơn.

3.6.4. Cần có hệ thống văn bản pháp quy cụ thể để làm cơ sở thực hiện chi ngân sách xã

Hiện nay xã đang dựa vào văn bản của Trung ương quy định chế độ chi tiêu cho các cấp NS Trung ương, tỉnh, huyện để làm cơ sở chi tiêu NS xã. Việc thực hiện chi này có dựa vào cơ sở pháp lý là văn bản của Trung ương quy định, tuy nhiên không phải là văn bản pháp quy cho các thực hiện, do đó không phù hợp.

Trong công tác quản lý tài chính ngân sách xã cần căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, lập dự toán mang tính khả thi, trong phần thu phải có xu hướng tích cực từ các nguồn thu thuế tăng dần về số lượng tỉ trọng. Trong phần chi phải thể hiện số chi cho đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, kinh tế, văn hóa, xã hội với xu hướng ngày càng tăng dần về số lượng và tỷ trọng, chi quản lý hành chính thì ngày càng giảm dần về tỷ trọng.

3.6.5. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ xã

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ xã nói chung và nhất là cán bộ quản lý NS nói riêng là một trong những giải pháp quan trọng góp phần quản lý tài chính ngân sách xã ngày càng đạt hiệu quả hơn.



KẾT LUẬN

Ngân sách xã là một cấp ngân sách thuộc hệ thống NSNN, là công cụ tài chính quan trọng để chính quyền Nhà nước cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và thể hiện rõ bản chất Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trong những năm qua, địa phương đã tích cực triển khai biện pháp quản lý thu chi ngân sách có sự tập trung, đẩy mạnh công tác thu nhất là các khoản thu có số thu lớn, tăng cường huy động sức đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, công tác quản lý thu chi ngân sách của địa phương cũng còn những mặt tồn tại cần được khắc phục trong thời gian tới, đó là: Chưa quản lý bao quát và khai thác tốt nguồn thu nhằm tăng thu cho ngân sách để đáp ứng nhu cầu chi ngày càng cao, còn trông chờ ỷ nại vào cấp trên, đồng thời công tác chi ngân sách chưa có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ, cụ thể để làm cơ sở thực hiện.

Trong thời gian tới, công tác thu chi ngân sách của địa phương cần phải bố trí hợp lý trong chi tiêu với xu hướng tăng dần chi đầu tư phát triển, chú trọng chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa xã, bảo đảm an ninh quốc phòng, giảm dần tỷ trọng chi quản lý hành chính trong tổng chi thường xuyên, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả tiền của Nhà nước, tăng tích lũy để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2006), *Chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2006), *Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
3. Đặng Văn Thanh (1998), *Hệ thống kế toán ngân sách xã*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Đông (2014), “Nghiên cứu công tác quản lý thu - chi ngân sách tại xã Hải Xuân – Thành Phố Móng cái – Tỉnh Quảng Ninh” Khóa luận tốt nghiệp trường Đại học Lâm Nghiệp.
5. Phòng Tài chính - Kế toán xã Tia Đình (2017 - 2019), *Kết quả thẩm tra quyết toán ngân sách xã Tia Đình - huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên*.
6. UBND xã Tia Đình Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm (2017 – 2019) và phương hướng trọng tâm năm 2020.
7. <https://www.slideshare.net/shareslide18/hoan-thien-cong-tac-quan-ly-thu-chi-ngan-sach-tai-phuong-ngoc-son>

